

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC BẢNG	iv
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ	v
CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	2
1. TÊN CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	2
2. TÊN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	2
2.1. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư	2
2.2. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư và các văn bản pháp lý khác có liên quan dự án đầu tư được đính kèm phụ lục báo cáo:	4
2.3. Quy mô dự án đầu tư:	6
3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	6
3.1. Công suất của dự án đầu tư	6
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư	6
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư	12
4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHÉ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	12
4.3. Nhu cầu và nguồn cung cấp điện, nước cho dự án	15
4.3.1. Nhu cầu và nguồn cấp điện	15
4.3.2. Nhu cầu và nguồn cấp nước	15
5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	16
5.1. Quy mô xây dựng của dự án đầu tư:	16
5.1.1. Các hạng mục công trình chính	16
5.1.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án	17
5.1.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường	18
5.1.3.1. Công trình xử lý nước thải	18
5.1.3.2. Công trình xử lý khí, mùi hôi	18
5.1.3.3. Công trình thu gom chất thải rắn	19
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	21
1. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG	21

2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	23
2.1. Đối với môi trường nước	23
2.2. Đối với môi trường không khí	23
CHƯƠNG III: ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	25
1. DỮ LIỆU VỀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT	25
1.1. Hiện trạng môi trường	25
1.2. Hiện trạng đa dạng sinh học	26
1.3. Hiện trạng về điều kiện địa hình địa chất khu đất dự án	26
1.3.1. Địa hình	26
1.3.2. Địa chất	26
2. MÔ TẢ VỀ MÔI TRƯỜNG TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI CỦA DỰ ÁN	27
3. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CÁC THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẤT, NƯỚC, KHÔNG KHÍ NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN	27
3.1. Hiện trạng môi trường đất	28
3.2. Hiện trạng môi trường không khí	28
3.3. Hiện trạng môi trường nước dưới đất	29
CHƯƠNG IV: ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	31
1. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN TRIỂN KHAI XÂY DỰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ	31
2. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN DỰ ÁN ĐI VÀO VẬN HÀNH	31
2.1. Đánh giá, dự báo các tác động	31
2.1.1. Nguồn tác động có liên quan đến chất thải	31
2.1.2. Nguồn tác động không liên quan đến chất thải	42
2.1.3. Đánh giá tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố	44
2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện	45
2.2.1. Giảm thiểu các nguồn tác động liên quan đến chất thải	45
2.2.2. Giảm thiểu các nguồn tác động không liên quan đến chất thải	54
2.2.3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn vận hành khai thác dự án	55
3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	59

4. NHẬN XÉT VỀ MỨC ĐỘ CHI TIẾT, ĐỘ TIN CẬY CỦA CÁC KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO.....	60
CHƯƠNG V: PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.....	61
CHƯƠNG VI: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	62
1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI.....	62
2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI.....	62
3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG	65
4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG, VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI.....	66
CHƯƠNG VII: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	69
1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	69
1. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT ..	69
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	69
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	70
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án:.....	70
3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM	70
CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	71
PHỤ LỤC BÁO CÁO	72

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1: Toạ độ dự án	2
Bảng 1.2: Danh mục thiết bị, máy móc dự kiến sử dụng của dự án.....	10
Bảng 1.3: Khối lượng thức ăn cung cấp cho gà trong các giai đoạn tại trang trại	13
Bảng 1.4: Nhu cầu sử dụng thuốc thú y, vaccin tại dự án.....	14
Bảng 1.5: Định mức về nhu cầu sử dụng thuốc thú y cho trang trại	14
Bảng 1.6: Tổng nhu cầu sử dụng nước của dự án	15
Bảng 1.7: Hạng mục đầu tư xây dựng chính của dự án.....	16
Bảng 3.1. Kết quả phân tích chất lượng đất khu vực dự án	28
Bảng 3.2: Kết quả phân tích mẫu không khí tại Dự án	28
Bảng 3.3. Kết quả phân tích nước dưới đất	29
Bảng 4.1. Lượng nhiên liệu cần cung cấp cho hoạt động giao thông	32
Bảng 4.2. Hệ số ô nhiễm do khí thải giao thông	32
Bảng 4.3. Tải lượng ô nhiễm không khí do các phương tiện giao thông ra vào dự án	32
Bảng 4.4. Nồng độ chất ô nhiễm trong khí thải từ các phương tiện vận chuyển	33
Bảng 4.5: Hệ số tính toán lượng khí phát sinh	34
Bảng 4.6: Tải lượng, nồng độ các chất ô nhiễm của máy phát điện dự phòng	35
Bảng 4.7: Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa	38
Bảng 4.8: Hệ số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt do mỗi người hàng ngày đưa vào môi trường trong giai đoạn hoạt động	39
Bảng 4.9: Bảng tính toán lượng phân gà thải ra hàng ngày tại Dự án	40
Bảng 4.10: Danh sách phát sinh chất thải rắn tại trang trại.....	41
Bảng 4.11: Danh sách khối lượng chất thải phát sinh.....	42
Bảng 4.12: Tiêu chuẩn tiếng ồn tại khu vực làm việc trong cơ sở.....	42
Bảng 4.13. Ước tính kinh phí bảo vệ môi trường giai đoạn hoạt động dự án.....	59
Bảng 4.14. Mức độ chi tiết, độ tin cậy của các đánh giá.....	60
Bảng 6.1: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của khí thải.....	63
Bảng 6.2. Giá trị giới hạn đối với bụi và khí thải tại các nguồn thải	64

Bảng 6.3. Giá trị giới hạn đối với độ ồn.....	66
Bảng 6.4. Giá trị giới hạn đối với độ rung.....	66
Bảng 6.5. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh	66
Bảng 6.6. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh.....	66
Bảng 6.7. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh	67
Bảng 7.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	69
Bảng 7.2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm của dự án.....	70

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1.1: Vị trí dự án.....	3
Hình 1.2: Sơ đồ quy trình chăn nuôi	8
Hình 4.1: Sơ đồ hệ thống xử lý khí thải và mùi hôi tại trang trại.....	47
Hình 4.2: Hình ảnh minh họa hệ thống phun sương kết hợp lưới lan	47
Hình 4.3: Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn	51

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH DỰ ÁN

Công ty TNHH MTV Ong Mật Bảo An Tây Ninh được thành lập ngày 05/02/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 3901201155 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp, chứng nhận lần đầu ngày 05/02/2015; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 09/11/2020.

Năm 2021 Công ty đầu tư xây dựng dự án “Trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm” được xây dựng tại ấp Thành Tây, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh với mục tiêu và quy mô như sau:

- + Bò thịt: 100 con/lứa
- + Chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín: 18.000 con/lứa
- + Heo rừng lai và heo địa phương: 100 con/lứa
- + Trùn quế : 1.000kg/tháng.

Dự án “Trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm” được thực hiện tại ấp Thành Tây, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh với diện tích đất là 10.000 m².

Ngoài ra Công ty đã được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp Giấy xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường số 14/GXN-UBND, ngày 01/09/2021.

Tuy nhiên, tại thời điểm Công ty được cấp Giấy xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường thì tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn ra nên Chủ đầu tư chỉ mới xây dựng trang trại và đầu tư máy móc thiết bị và chưa đi vào hoạt động.

Năm 2023, Công ty nhận thấy việc đầu tư chăn nuôi đối với các loài vật nuôi khác nhau đem lại hiệu quả không như mong muốn. Chính vì vậy, Công ty chỉ thực hiện đầu tư chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín từ 18.000 con/lứa lên 50.000 con/lứa.

Căn cứ Điều 39 của Luật Bảo vệ Môi trường và phụ lục II của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy phép môi trường: “Chủ đầu tư thuộc đối tượng phải thực hiện lập Giấy phép môi trường”.

Do đó, Công ty TNHH MTV Ong Mật Bảo An Tây Ninh tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho dự án “Trang trại chăn nuôi gà” với quy mô 50.000 con/lứa tại ấp Thành Tây, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo mẫu báo cáo đề xuất tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. TÊN CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chủ Dự án: Công ty TNHH MTV Ong Mật Bảo An Tây Ninh

Địa chỉ văn phòng: Số 47, hẻm 48, khu phố 3, phường 3, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: **Nguyễn Đình Vinh**

Điện thoại liên hệ: 0983811911 Email:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 3901201155 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp, chứng nhận lần đầu ngày 05/02/2015; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 09/11/2020.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án: 1311064104, chứng nhận lần đầu ngày 26/04/2023, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 11/05/2023 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

2. TÊN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

TRANG TRẠI CHĂN NUÔI GÀ

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án: 1311064104, chứng nhận lần đầu ngày 26/04/2023, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 11/05/2023 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp với quy mô 50.000 con/lứa, 05 lứa/năm.

2.1. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư

Dự án Trang trại chăn nuôi gà của Công ty TNHH MTV Ong Mật Bảo An Tây Ninh xây dựng trên thửa đất số 202, tờ bản đồ số 45, Ấp Thành Tây, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh với diện tích 10.000 m² được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 491102, số vào sổ cấp GCN CS06808, cấp ngày 16/04/2020 thuộc quyền sở hữu của của ông Nguyễn Đình Anh Thảo và bà Văn Phạm Tố Nga (Công ty TNHH MTV Ong Mật Bảo An Tây Ninh thuê quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 262, tờ bản đồ số 45 với diện tích 10.000 m² theo hợp đồng thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp số 6964, quyền số 15/PCCC Trần Duy Linh) (đã được chỉnh lý tại trang IV của GCN).

Bảng 1.1: Tọa độ dự án

Điểm	Tọa độ hệ VN 2000 Tây Ninh, kinh tuyến trực 105°30' múi chiều 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)
Điểm 1	545 872	1244 003
Điểm 2	545 947	1244 011
Điểm 3	545 974	1243 902
Điểm 4	545 898	1243 882

DVTV: Công ty TNHH MTV SXTM & DV Môi trường Khang Thịnh

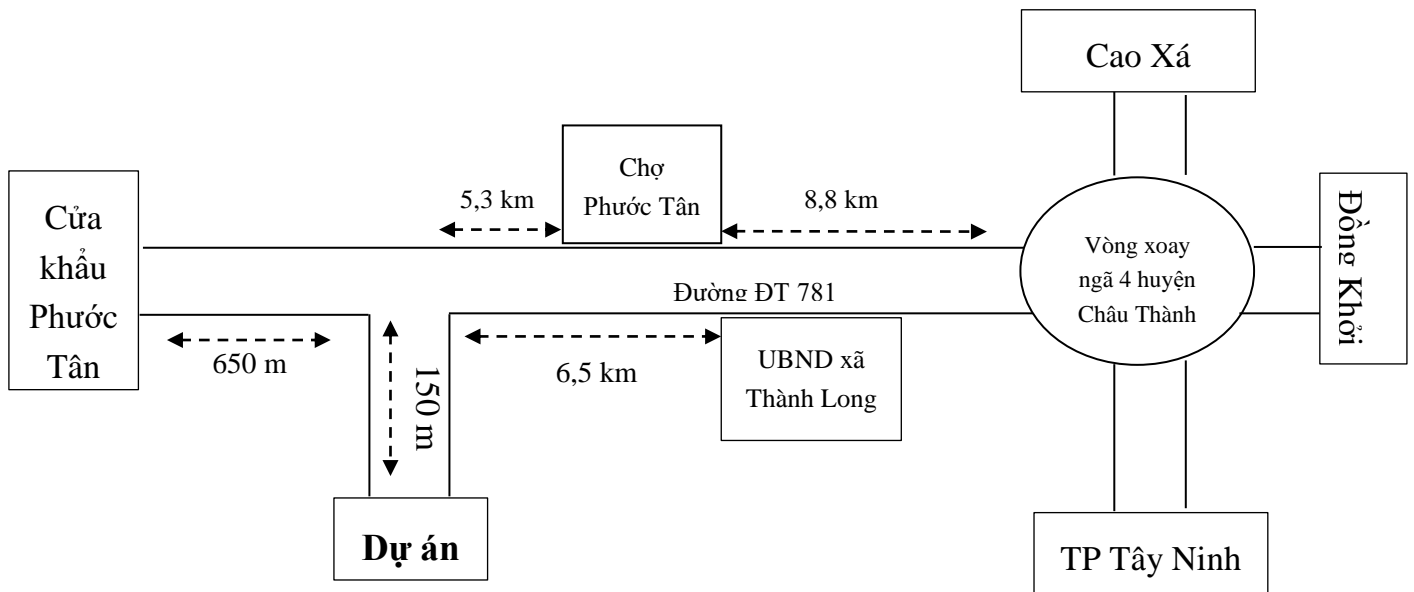
Địa chỉ: số 27, Nguyễn Thị Minh Khai, KP4, Phường 2, TP.Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: 02763.630.631 – Hotline: 0909.879.587

Vị trí tiếp giáp của khu đất dự án như sau:

- + Phía Bắc: giáp đất ông Nguyễn Đình Anh Thảo
- + Phía Tây: giáp đất ông Nguyễn Hồng Phúc
- + Phía Đông: giáp trại nấm ông Tuấn.
- + Phía Nam: giáp đất ông Lê Thành Phương.

Sơ đồ vị trí dự án:



Hình 1.1: Vị trí dự án

➤ **Mối tương quan của dự án đối với các đối tượng xung quanh:**

Khu đất dự án có địa hình tương đối bằng phẳng, phạm vi thực hiện dự án được xây dựng trên khu đất có diện tích 10.000 m². Đường vào khu đất toàn bộ là đường đất đỏ nên rất thuận lợi cho hoạt động của trang trại.

Hệ thống đường giao thông và khoảng cách các điểm trung tâm kinh tế xã hội đến xung quanh dự án:

- + Dự án cách đường ĐT 781 khoảng 150 m;
- + Dự án cách chợ Phước Tân khoảng 5,3 km;
- + Cách hộ dân như Ông Ngô Văn Tâm, Ông Hà Văn Kha, cách trại nuôi khoảng 700m, hộ dân Nguyễn Hồng Phúc gần nhất cách Dự án khoảng 500 m.
- + Dự án cách trường tiểu học Thành Bắc khoảng 4,7 km;
- + Dự án cách UBND xã Thành Long khoảng 6,5 km;

Trong vòng bán kính 400m không có hộ dân sinh sống mà chủ yếu là đất trồng cây nông nghiệp.

Trong vòng bán kính 1,8km có một số hộ dân sinh sống rải rác (không liền kề) và không có các công trình hạ tầng xã hội, khu du lịch, khu sinh thái, di tích lịch sử. Địa hình của Dự án tương đối bằng phẳng, có đường đất vào tới khu đất dự án nên thuận lợi cho việc chăn nuôi sau này.

Nguồn tiếp nhận nước mưa, nước thải của dự án:

Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nước thải chăn nuôi: Trang trại áp dụng mô hình chăn nuôi khép kín sử dụng đệm lót sinh học. Do đó, không sử dụng nước để vệ sinh, rửa trại nên không phát sinh nước thải từ quá trình vệ sinh trang trại. Trên nền đệm lót sinh học lượng phân thải ra được vi sinh phân hủy hết. Do đó, sau mỗi đợt xuất trại, chủ dự án sẽ tiến hành cho công nhân thu gom, tháo dỡ lớp đệm lót lẫn phân gia cầm đem đi ủ phân, sau đó bán cho đơn vị có nhu cầu sử dụng làm phân bón.

- Nguồn tiếp nhận nước mưa: Nước mưa chảy tràn tại khu vực được thu gom bằng hệ thống thu thoát nước mưa xây dựng xung quanh trang trại. Nước mưa từ mái công trình sẽ được thu gom vào các đường ống xuống các hố ga trước khi thoát ra mương thoát nước khu vực.

➤ Môi trường của dự án đối với các đối tượng kinh tế xã hội

- Trong vòng bán kính 400m không có dân cư sinh sống, khoảng cách đến nhà dân gần nhất khoảng 500m, xung quanh khu đất thực hiện Dự án chủ yếu là đất cây nông nghiệp; cách khu dân cư khoảng 1,8 km, các hộ dân này sinh sống dọc đường ĐT 781. Các hộ dân phần lớn sinh sống bằng sản xuất nông nghiệp, trồng mì, chăn nuôi gia súc, gia cầm, một số ít hiện đang sinh sống loại hình dịch vụ nhỏ lẻ như: quán ăn, quán nước, cửa hàng buôn bán nhỏ.

- Trong vòng bán kính 500m không có trường học, bệnh viện, chợ, nguồn cung cấp nước cho cộng đồng dân cư.

- Giao thông: khu vực dự án có tuyến đường lớn như ĐT 781 nên rất thuận tiện cho việc vận chuyển nguyên vật liệu và xuất bán gà.

- Dự án nằm tại vị trí có dân cư thưa thớt và chưa có hệ thống thu gom nước thải cũng như thu gom rác thải sinh hoạt, đối với lượng rác thải sinh hoạt này chủ dự án sẽ có biện pháp xử lý thích hợp.

- Vị trí dự án đảm bảo khoảng cách an toàn về chăn nuôi trang trại theo Điều 5 Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi và quy chuẩn QCVN 01 - 15: 2010/BNNPTNT về điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học.

- Như vậy việc đầu tư trang trại chăn nuôi gà tại xã Thành Long là rất thuận lợi không chỉ về mặt kinh tế mà cả về mặt quy hoạch phát triển ngành chăn nuôi, đảm bảo khoảng cách an toàn đối với các khu chăn nuôi khác trên cùng địa bàn xã.

2.2. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư và các văn bản pháp lý khác có liên quan dự án đầu tư được đính kèm phụ lục báo cáo:

DVTV: Công ty TNHH MTV SXTM & DV Môi trường Khang Thịnh

Địa chỉ: số 27, Nguyễn Thị Minh Khai, KP4, Phường 2, TP.Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: 02763.630.631 – Hotline: 0909.879.587

Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư:

- Căn cứ mục II số thứ tự 1.2.1 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/07/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 13/2020/NĐ-CP thì dự án thuộc loại vật nuôi gà hướng thịt, hệ số đơn vị vật nuôi 0,005, dự án **“Trang trại chăn nuôi gà”** của Công ty TNHH MTV Ong mật Bảo An Tây Ninh có quy mô 50.000 con/lứa tương đương 250 đơn vị vật nuôi.

- Căn cứ theo số thứ tự 16, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường, dự án **“Trang trại chăn nuôi gà”**, quy mô 50.000 con/lứa (05 lứa/năm) tương đương 250 đơn vị vật nuôi thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình (cột 4).

- Căn cứ Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường, dự án được phân loại thuộc nhóm II dựa trên tiêu chí về môi trường để phân loại dự án đầu tư theo quy định tại Điều 28 của Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020. Cụ thể: *“Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, với công suất trung bình quy định tại cột 4, Phụ lục II ban hành kèm theo nghị định (mục I.1)”*.

- Căn cứ khoản 1, Điều 39 của Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 quy định đối tượng phải có giấy phép môi trường: *“Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức”*.

Do đó, Công ty TNHH MTV Ong mật Bảo An Tây Ninh tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho dự án **“Trang trại chăn nuôi gà”** (dự án), quy mô 50.000 con/lứa (05 lứa/năm) theo mẫu báo cáo đề xuất tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường, thẩm quyền cấp giấy phép môi trường là Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Các văn bản pháp lý khác có liên quan dự án đầu tư được đính kèm phụ lục báo cáo

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án: 1311064104, chứng nhận lần đầu ngày 26/04/2023, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 11/05/2023 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

- Thuyết minh Dự án đầu tư “Trang trại chăn nuôi gà” của Công ty TNHH MTV Ong mật Bảo An Tây Ninh.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 3901201155 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp, chứng nhận lần đầu ngày 05/02/2015; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 09/11/2020.

- Bản sao các văn bản pháp lý về đất đai của Dự án, bản vẽ kỹ thuật mặt bằng tổng thể, mặt bằng thoát nước mưa, thoát nước thải và bản vẽ vị trí giám sát môi trường.

2.3. Quy mô dự án đầu tư:

- Quy mô của dự án đầu tư: thuộc nhóm C theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công (Phụ lục I Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công)

- Quy mô chăn nuôi: 50.000 con/lứa, tương đương với 250 đơn vị vật nuôi (hệ số quy đổi vật nuôi đối với gà công nghiệp hướng thịt là 0,005).

3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1. Công suất của dự án đầu tư

Quy mô, công suất dự án: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án: 1311064104, chứng nhận lần đầu ngày 26/04/2023, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 11/05/2023 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp với quy mô 50.000 con/lứa, 05 lứa/năm.

Thời gian giãn cách giữa 02 đợt nuôi (từ lứa nuôi trước đến lứa nuôi sau) là 60 ngày bao gồm:

- Thời gian nuôi, chăm sóc (từ lứa nuôi trước đến lứa nuôi sau) khoảng: 45 ngày.
- Vệ sinh trại và khử trùng các loại mầm bệnh để chuẩn bị cho đợt nuôi tiếp theo khoảng: 10 - 15 ngày.

Loại hình hoạt động: chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

❖ Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

Quá trình chăn nuôi tại trang trại áp dụng mô hình chăn nuôi khép kín sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi. Đệm lót sinh học được làm bằng các nguyên liệu trấu, có độ dày từ 10 - 15 cm (*Nguồn: Tạp chí chăn nuôi Việt Nam*).

Quy trình làm đệm lót sinh học:

Bước 1: Chuẩn bị nguyên liệu

Chế phẩm sinh học: 60 kg

Bột bắp hoặc cám gạo: 360 kg

Nước sạch: 170 - 180 lít nước

Trấu: 31.200 kg

Bước 2: Pha dung dịch thứ cấp

Lấy 60 kg chế phẩm sinh học trộn đều với 360 kg bột bắp hoặc cám gạo, cho thêm khoảng 170-180 lít nước sạch, trộn cho ẩm đều, sau đó cho vào túi hoặc thùng và để chỗ

ấm và mát, ủ trong 2 - 3 ngày là sử dụng được. Như vậy, cần phải ủ chế phẩm men vi sinh trước khi rắc men 2 - 3 ngày.

Bước 3: Tạo lớp đệm lót

- + Rải đều nguyên liệu trấu lên bề mặt trại đạt độ dày khoảng 10 cm.
- + Phun dung dịch vi sinh vật thứ cấp đều lên bề mặt nguyên liệu;
- + Rắc đều cám gạo lên bề mặt trấu đã được phun vi sinh;

Chú ý: độ ẩm đệm cần đảm bảo độ ẩm <50%; tốt nhất là 35 - 40% nhận biết theo kinh nghiệm dùng tay nắm nguyên liệu sau phối trộn thấy nước ướt tay là được.

Bước 4: Sử dụng và bảo dưỡng đệm lót

Phải đảm bảo bề mặt đệm lót được tơi xốp. Định kỳ từ 1 đến 2 ngày phải cào bề mặt đệm lót một lần để giúp cho đệm lót được tơi xốp, phân sẽ càng được phân hủy nhanh hơn.

Thời gian sử dụng đệm lót sinh học dài hay ngắn là tùy vào độ nén chặt hay không và lượng phân nhiều hay ít. Trong quá trình cào chỉ nên thực hiện ở trên bề mặt, không cào sâu xuống sát nền chuồng.

Nuôi chừng vài tuần nếu có mùi hắc thì cần xới tơi đệm lót, mở cửa cho thông thoáng. Trường hợp mùa nóng cần dùng quạt gió.

Yêu cầu đệm lót nuôi gà phải luôn khô, đảm bảo khả năng tiêu hủy phân tốt. Định kỳ 1-2 ngày rắc thêm chế phẩm men đều lên mặt để đảm bảo độ khô và sự phân hủy phân tốt của đệm.

Bảo dưỡng đệm lót sinh học vào những ngày trời nắng và thực hiện lúc buổi chiều để không gây ảnh hưởng cho gà.

Tránh không để nước mưa hắt vào làm ướt đệm lót.

Khi nuôi gà ở trên nền đệm lót phải chú ý máng nước uống để tránh nước ướt đệm lót. Trường hợp bị ướt cần phải thay bằng lớp trấu mới.

Phát hiện ra đệm lót có mùi và thối thì có nghĩa là nó phân hủy phân chưa được tốt. Có thể là do đệm lót quá ướt, bị nén chặt mà không tơi xốp, chế phẩm men hoạt động kém hiệu quả,... Tùy theo mỗi trường hợp khác nhau sẽ có phương pháp xử lý khác nhau. Nhưng nhìn chung cần đảm bảo các bước đó là làm khô, xới tơi đệm lót và bổ sung chế phẩm men.

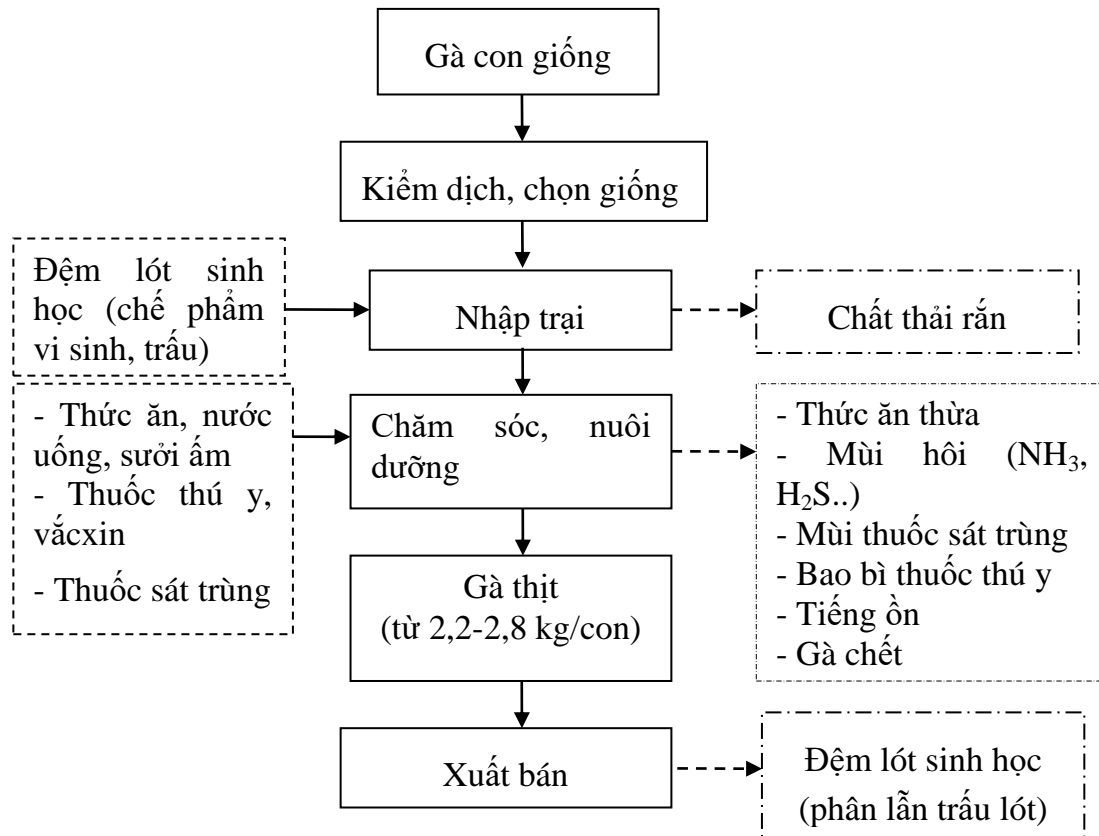
Thời gian sử dụng đệm lót sinh học nuôi gà: Nếu đệm lót sinh học được xử lý tốt thì có thể sử dụng kéo dài trong thời gian 6 tháng đến 1 năm.

Chú ý: Trong quá trình sử dụng không được phun hóa chất sát trùng lên bề mặt lớp đệm lót.

Với những tiến bộ của công nghệ sinh học, đệm lót sinh học là một giải pháp hữu hiệu trong việc hạn chế mùi hôi trại nuôi, giảm thiểu tác động ô nhiễm môi trường. Không cần dùng nước để rửa trại, nước chỉ dùng để phun tạo độ ẩm nền trại giúp trại

nuôi không còn mùi hôi. Hơn nữa, đệm lót sau khi sử dụng có thể tiếp tục ủ phân bán cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng làm phân bón.

Công nghệ sản xuất, vận hành của dự án bao gồm các hoạt động chính trong quá trình chăn nuôi gà được trình bày cụ thể trong hình sau:



Hình 1.2: Sơ đồ quy trình chăn nuôi

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu sử dụng cho hoạt động của trại là gà giống một 1 ngày tuổi. Quy trình công nghệ chăn nuôi được trình bày như sau:

Rải trấu:

Trại nuôi được chuẩn bị đệm lót sinh học có độ dày khoảng 10cm trải đều trên nền bê mặt trại, sau đó thả gà vào, trại nuôi chủ yếu là nơi để gà nghỉ ngơi, tránh nắng mưa và những tác động xấu từ bên ngoài. Cứ sau một thời gian (sau 7-10 ngày) quan sát trên bề mặt trại khi nào thấy phân rải kín (nền trại dơ), ta dùng tay hoặc cào cán ngắn để cào sơ qua lớp mặt đệm lót (lưu ý: Khi cào nên dồn gọn gà về từng phía một để tránh gây xáo trộn đàn gà). Sau khi cào lớp mặt xong thì phun đều chế phẩm sinh học để giúp cho đệm lót được tơi xốp, phân hủy nhanh hơn.

Gà giống:

- Gà giống một ngày tuổi được kiểm dịch, lựa chọn trước khi được đưa về chăn nuôi. Chọn gà con mới nở có trọng lượng trung bình 35 – 40g (bằng 65% trọng lượng trứng khi đưa vào máy ấp), nhanh nhẹn, mắt sáng, lông bông, bụng gọn.

Nhập trại:

Trước khi nhập gà về, trại nuôi và các thiết bị sẽ được khử trùng kỹ trước khi nhập lứa mới vào nuôi. Gà sẽ được kiểm tra kỹ tình trạng sức khỏe đàn gà để khẳng định gà chuyển về đang khỏe mạnh.

Gà sau khi được nhập về trang trại sẽ được nuôi trong điều kiện khép kín, đảm bảo nhiệt độ, nguồn nước và thức ăn. Đồng thời trong mỗi dãy trại nuôi được trang bị các vách ngăn di động, các vách ngăn được điều chỉnh phù hợp với không gian cần thiết cho đàn gà theo từng giai đoạn. Sau đó, kéo rèm che kín trại, bật đèn sưởi ấm trong quây úm khoảng 2 giờ nếu thời tiết ngoài trời lạnh. Khi thả gà vào quây phải kiểm tra lại số lượng con sống và con chết. Loại bỏ những con chết và gà không đạt tiêu chuẩn ra khỏi trại.

Cho gà nghỉ ngơi 10 – 20 phút rồi cho gà uống nước có pha 50g glucose với 1g vitamin C/3 lít nước để chống stress cho gà. Nước uống phải đảm bảo sạch và có độ ấm của nước vào từ 16 – 20°C. Nước uống cho gà 3 – 4 ngày đầu sẽ có pha thêm kháng sinh Tetracyclin tỷ lệ 0.5g/l hoặc Colistin tỷ lệ 0.1g/l và Vitamin C tỷ lệ 100 – 150mg/l).

Trong giai đoạn gà từ 1 ngày đến 14 ngày tuổi do hệ tiêu hóa và hô hấp chưa hoàn thiện, sức đề kháng kém, gà con dễ bị nhiễm bệnh. Đề đàn gà sinh trưởng phát triển tốt có tỷ lệ sống cao cần thực hiện úm gà con. Kỹ thuật úm gà con như sau:

Dùng chụp úm gà bằng điện để sưởi ấm cho gà, quây gà gần dưới chụp sưởi để giữ nhiệt và đảm bảo nhiệt độ: (Tuần đầu: 32 – 34°C; Tuần 2: 29 – 30°C; Tuần 3: 26 – 27°C; Tuần 4: 22 – 25°C). Đồng thời, quan sát phản ứng của gà đối với nhiệt độ điều chỉnh cho phù hợp. Nhiệt độ vừa phải: gà phân bố đều, đi lại, ăn uống bình thường. Nhiệt độ thấp: gà tập trung lại gần nguồn nhiệt, đứng co ro, run rẩy. Nhiệt độ cao: gà tản ra xa nguồn nhiệt, nằm há mỏ, thở mạnh, uống nhiều nước.

Gà nhập về được thả trên nền bê tông có lớp trấu dày khoảng 10 cm. Sau 5 - 7 ngày với gà nuôi úm, 2-3 ngày với gà nuôi thịt, tiến hành cào đảo nhẹ lớp mặt đệm lót sâu 1 - 3 cm. Trong quá trình cào trên bề mặt đệm lót không được cào sâu xuống sát nền trại. Gà giống sẽ được nhập về theo từng đợt cho mỗi trại, khoảng cách giữa các đợt nhập không quá một tuần.

Chăm sóc, nuôi dưỡng

Gà được nuôi theo quy trình kỹ thuật chăn nuôi trại lạnh khép kín với nhiệt độ trong nhà nuôi gà luôn được giữ ở mức từ 23°C đến 30°C, trung bình là khoảng 27°C.

Cung cấp thức ăn: Toàn bộ quá trình chăn nuôi đều được thực hiện bởi các thiết bị tự động. Thức ăn sẽ được cho vào bồn nạp nguyên liệu và từ đây nguồn thức ăn này sẽ được phân phối một cách tự động đến các máng ăn. Khi nguồn thức ăn trong máng ăn bị giảm xuống thì hệ thống sẽ tự động bơm thêm thức ăn vào. Lượng thức ăn cung cấp

hàng ngày cho gà sẽ được tính toán sao cho vừa đủ nhu cầu của gà trong từng giai đoạn phát triển để tránh tình trạng thức ăn dư thừa rơi vãi xuống sàn gây mùi hôi thối.

Gà cần được ăn liên tục, suốt ngày đêm để mau xuất trại. Mỗi ngày nên đồ và đảo thức ăn kích thích gà ăn ít nhất 4 lần: sáng, trưa, chiều và 10 giờ đêm để gà được ăn suốt đêm. Trong quá trình nuôi nên chú ý phát hiện sớm gà bị què, bệt chân, yếu để kịp thời đưa nuôi riêng, chăm sóc tốt, để chúng lớn kịp theo đàn.

Cung cấp nước uống: Nguồn nước cho gà uống cũng được cung cấp tự động, khi nguồn nước trong máng bị giảm xuống thì hệ thống sẽ tự động bơm thêm nước vào máng uống nhằm đảm bảo đầy đủ nguồn nước uống cho gà. Các núm uống cảm ứng sẽ hạn chế được tình trạng nước đổ xuống sàn. Trong trường hợp cần cho gà uống vaccine hoặc thuốc thú y thì sẽ được pha chung với nước.

Sử dụng vacxin cho gà: Loại và thời điểm sử dụng vacxin được xem xét sao cho đảm bảo tuyệt đối an toàn cho đàn gà dựa trên lịch dùng chung và lịch điều chỉnh điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện cụ thể của khu vực.

Trong quá trình nuôi, nguồn phát sinh nhiệt thừa, mùi trong trại từ quá trình thông tản gió, ngoài ra lượng chất thải rắn từ bao bì chứa thực phẩm và cá thể gà không đạt yêu cầu phát sinh, do đó chủ trang trại sẽ thường xuyên phun thuốc khử trùng, khử mùi quanh các trại nuôi, các phương tiện ra vào khu vực nuôi cũng cần khử trùng khi ra vào khu vực nuôi. Riêng đối với công nhân trực tiếp nuôi khi vào trại nuôi phải mang giày và quần áo đúng quy định, tất cả phải được khử trùng trước khi vào trại chăn nuôi.

Xuất trại

Gà được nuôi trong khoảng thời gian từ 40- 45 ngày đạt được trọng lượng 2,2 – 2,8 kg thì sẽ xuất trại. Trước khi gà xuất trại được kiểm dịch, sau đó được đưa ra thị trường tiêu thụ.

Sau khi gà xuất trại, lớp đệm lót sinh học sẽ được tháo dỡ và được kiểm tra các chỉ số C/N, E.coli, Samonelia đạt quy định của phân bón hữu cơ sẽ được đóng bao bán cho đơn vị có nhu cầu sử dụng làm phân bón, nếu các chỉ số chưa đạt theo quy định sẽ tiếp tục thu gom đem đi ủ phân tại trại nuôi (thời gian ủ là 15 ngày), đạt quy định được sử dụng làm phân bón cây trồng. Phân gà còn sót trong trại nuôi sẽ được công nhân quét sạch thu gom chung với lớp đệm lót. Trại nuôi sẽ được dọn dẹp sạch sẽ, nền trại được phun khử trùng toàn bộ khu vực nuôi bằng dung dịch formol 2%. Sau đó trại nuôi sẽ được để trống khoảng 6-7 ngày để chờ nuôi đợt tiếp theo.

Danh mục các thiết bị, máy móc

Bảng 1.2: Danh mục thiết bị, máy móc dự kiến sử dụng của dự án

STT	DANH MỤC THIẾT BỊ	Đơn vị	Số lượng	Hiện trạng	Xuất xứ
I. HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ					
01	Quạt hút công nghiệp	cái	32	Mới 100%	Việt Nam

02	Hệ thống dàn lạnh + motor bơm nước công suất 1,5 HP	bộ	8	Mới 100%	Việt Nam
03	Hệ thống cảm ứng nhiệt độ, độ ẩm bên trong và bên ngoài	bộ	8	Mới 100%	Việt Nam
04	Hệ thống nhiệt sưởi	bộ	8	Mới 100%	Việt Nam
05	Hệ thống điều khiển nhiệt độ kết nối với bộ điều khiển tự động	bộ	8	Mới 100%	Việt Nam
II. HỆ THỐNG MÁNG ĂN					
06	Đường dẫn thức ăn, máng ăn, hộp đựng cám	bộ	8	Mới 100%	Việt Nam
07	Bồn chứa thức ăn bên ngoài	cái	8	Mới 100%	Việt Nam
III. HỆ THỐNG NƯỚC UỐNG TỰ ĐỘNG					
08	Đường dẫn nước, núm uống	bộ	80	Mới 100%	Việt Nam
09	Bộ phận điều chỉnh áp lực nước	Bộ	8	Mới 100%	Việt Nam
10	Bộ phận đo khối lượng nước sử dụng	cái	8	Mới 100%	Việt Nam
11	Bộ phận pha thuốc	bộ	8	Mới 100%	Việt Nam
12	Hệ thống điều khiển nối với bộ điều khiển tự động	bộ	8	Mới 100%	Việt Nam
13	Chụp úm gà bằng điện	bộ	8	Mới 100%	Việt Nam
14	Máy bơm nước công suất 3HP	bộ	01	Mới 100%	Việt Nam
15	Máy phát điện dự phòng công suất 150 KVA	cái	01	Mới 100%	Việt Nam

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Ong mật Bảo An Tây Ninh, 2023)

❖ Đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

Trên cơ sở phân tích tình hình chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh trong những năm vừa qua, đồng thời nhằm khai thác hết tiềm năng đất đai và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của công ty, cũng như các chính sách ưu đãi mà phía đối tác đưa ra và được sự chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Tây Ninh, Công ty TNHH MTV Ong mật Bảo An Tây Ninh đã quyết định đầu tư xây dựng dự án "Trang trại chăn nuôi gà", công suất 50.000 con/lứa (5 lứa/năm). Việc đầu tư lựa chọn chăn nuôi theo mô hình dạng chuồng lạnh khép kín trên nền đệm lót sinh học đem lại những ưu điểm, nhược điểm như sau:

Ưu điểm:

+ Với kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến, hiện đại, con giống chất lượng cao do phía đối tác hỗ trợ và cung cấp mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người chăn nuôi.

+ Tăng chất lượng đàn gà: chăn nuôi gà trên nền đệm lót sinh học giúp gà khỏe mạnh và đồng đều nhau hơn, tỷ lệ gà sống có thể lên đến 98%.

+ Tăng chất lượng sản phẩm: đệm lót sinh học giúp giảm tỷ lệ bệnh tật, đặc biệt là bệnh tiêu chảy, gà khi xuất cũng đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

+ Việc phân giải phân, làm cho mùi hôi, khí độc trong chuồng được hạn chế, tạo môi trường sống tốt cho vật nuôi, cải thiện môi trường sống cho người lao động và tạo cơ hội để phát triển chăn nuôi.

+ Hạn chế ruồi, muỗi (vì không có nước để muỗi sinh sản, không có phân để ruồi đẻ trứng). Các mầm bệnh – nguyên nhân lây lan dịch bệnh được hạn chế tới mức thấp nhất.

+ Góp phần cải tạo đàn gà địa phương và giảm thiểu các tác động đến môi trường.

+ Đồng thời tạo công ăn việc làm ổn định cho lao động địa phương, góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống của người lao động xung quanh dự án.

+ Tiết kiệm chi phí sản xuất, bảo vệ môi trường chăn nuôi, đồng thời cũng giảm thiểu bệnh tật và có thể phát triển chăn nuôi bền vững hơn.

Nhược điểm:

+ Quá trình chăn nuôi gà trên nền đệm lót sinh học thường luôn sinh nhiệt, điều này khiến cho nền chuồng thường rất nóng, tuy nhiên trong chuồng nuôi luôn được thông thoáng bằng hệ thống quạt hút, hệ thống làm mát.

+ Bên cạnh đó, trong quá trình nuôi phải bảo dưỡng, đảo xới toi đệm lót để giúp cho đệm lót được toi xốp, phân sẽ được phân huỷ nhanh hơn.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

Quy mô dự án là chăn nuôi 50.000 con gà thịt mỗi đợt nuôi (45 ngày/lứa nuôi), mỗi năm trại nuôi 05 lứa gà thịt. Bình quân mỗi năm cung cấp cho thị trường 250.000 con gà thịt sạch. Trọng lượng mỗi con gà thịt xuất bán đạt trung bình khoảng 2,5 kg; do đó bình quân mỗi lứa dự án xuất cung cấp cho thị trường khoảng 125.000 kg thịt gà sạch.

4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHÉ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Nhu cầu về con giống

Quy mô trang trại gồm 50.000 con/lứa, mỗi lứa nuôi khoảng 45 ngày, Gà con giống (1ngày tuổi) được nhập từ công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam và được Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam vận chuyển trực tiếp về trang trại. Gà giống với khối lượng từ 35 – 40gram. Gà con trước khi nhập về trại đã được tiêm ngừa đầy đủ các vắc xin như B-Complex, vitamin B1 và uống men tiêu hóa.

Nhu cầu về thức ăn cho gà

Tất cả nguồn thức ăn tại trang trại được Công ty Cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam cung cấp định kỳ 5 ngày/lần. Nhu cầu về thức ăn cung cấp cho gà thịt theo từng giai đoạn phát triển của gà như sau:

Bảng 1.3: Khối lượng thức ăn cung cấp cho gà trong các giai đoạn tại trang trại

STT	Giai đoạn	Trọng lượng gà dự kiến (kg/con)	Lượng thức ăn cung cấp (g/con/ngày)	Lượng thức ăn cung cấp trong 01 ngày	Lượng thức ăn cung cấp trong 01 lứa nuôi
1	Khi nhập trại đến 14 ngày tuổi	0,4kg – 0,9kg	54g	2,7 tấn/ngày	37,8tấn/lứa nuôi
2	Từ 15 ngày tuổi đến 30 ngày tuổi	0,9kg – 2kg	90g	4,5 tấn/ngày	67,5 tấn/lứa nuôi
3	Từ 31 ngày tuổi đến 45 ngày tuổi (xuất trại)	2kg – 2,8kg	115g	5,75 tấn/ngày	80,5 tấn/lứa nuôi
Tổng					185,8 tấn/lứa

(Nguồn: Tham vấn từ Công ty Cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam)

Như vậy, khối lượng thức ăn được cung cấp trong một lứa nuôi vào khoảng 185,8 tấn/lứa nuôi.

Nhu cầu về trấu làm đệm lót

Vỏ trấu được sử dụng làm lớp đệm bên dưới trong mỗi dãy trại trước khi thả gà con, ngoài chức năng giữ ấm cho con giống thì lớp vỏ trấu còn nhiệm vụ hấp thụ một phần các mùi hôi phát ra từ phân gà trong khi chăn nuôi.

Nhu cầu trấu sử dụng tại trang trại: diện tích một dãy trại nuôi là $5\text{m} \times 60\text{m} = 300\text{m}^2$, lớp vỏ lót được thiết kế dày 10 cm (0,1m). Thể tích lớp trấu là $300 \times 0,1 = 30\text{m}^3$

Khối lượng riêng trung bình của trấu $130\text{kg}/\text{m}^3$. Vậy nhu cầu trấu sử dụng cho trại chăn nuôi là:

$$130\text{kg}/\text{m}^3 \times 30\text{m}^3 = 3.900\text{kg}/\text{trại} \sim 3,9\text{tấn}/\text{dãy trại}$$

Ước tính nhu cầu sử dụng trấu tại trang trại khoảng: 3,9 tấn vỏ trấu/dãy trại/lứa nuôi, hiện tại với số lượng 6 dãy trại nuôi thì tổng lượng vỏ trấu được sử dụng cho trang trại là 23,4 tấn vỏ trấu/đợt nuôi, sau khi nâng công suất tổng lượng vỏ trấu sử dụng cho trang trại là:

$$3,9\text{tấn vỏ trấu}/\text{dãy trại} \times 8\text{dãy trại} = 31,2\text{tấn vỏ trấu}/\text{lứa nuôi}.$$

Nhu cầu về hoá chất, vắc xin, thuốc thú y

Thuốc thú y, vaccin trong chăn nuôi có một vai trò hết sức quan trọng để đảm bảo an toàn cho con giống. Toàn bộ lượng thuốc thú y, vaccin, vitamin... cho con giống được Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam cung cấp. Định mức về nhu cầu sử dụng thuốc thú y tại trang trại cụ thể như sau:

Bảng 1.4: Nhu cầu sử dụng thuốc thú y, vaccin tại dự án

STT	Tên thuốc	Định mức	Khối lượng (liều/lứa)
1	Newcastle	2 liều/con	100.000
2	Gumboro	3 liều/con	150.000
3	Cúm H5N1	1 liều/con	50.000
4	Đậu gà	1 liều/con	50.000

Bảng 1.5: Định mức về nhu cầu sử dụng thuốc thú y cho trang trại

Ngày tuổi	Loại vacxin	Cách sử dụng	Mục đích sử dụng
Ngày 1 – 2	Newcastle chủng F (lần 1)	Nhỏ mắt – mũi hoặc phun	Phòng bệnh gà rù (Newcastle)
Ngày 3	Gumboro (lần 1)	Cho uống từng con	Phòng bệnh truyền nhiễm Gumboro
Ngày 7	Đậu gà	Chung màng cánh	Phòng bệnh Đậu gà
Ngày 10	Gumboro (lần 2)	Cho uống trực tiếp hoặc pha vào nước uống	Phòng bệnh truyền nhiễm Gumboro
Ngày 15	Cúm H5N1	Tiêm	Phòng bệnh cúm gia cầm
Ngày 25	Gumboro (lần 3)	Pha nước uống	Phòng bệnh truyền nhiễm Gumboro
Ngày 28	Newcastle chủng F (lần 2)	Nhỏ mắt – mũi, phun, tiêm	Phòng bệnh gà rù (Newcastle)

(Nguồn: Tư vấn kỹ thuật của Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam)

+ Nhu cầu về thuốc sát trùng:

Thuốc sát trùng sử dụng do Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam cung cấp chủ yếu là Omicide và vôi bột. Thuốc sát trùng sau khi được cung cấp sẽ được pha loãng với nước và phun khử trùng thường xuyên tại khu vực công ra – vào của dự án, vệ sinh trại nuôi sau khi thu hoạch, phun xung quanh và bên trong trang trại để diệt khuẩn... Nhu cầu sử dụng thuốc sát trùng tại dự án ước tính như sau:

- Omicide: 30 lít/lứa nuôi.
- Vôi bột: 50 bao/ lứa nuôi.
- Formol 2%: 600 lít/ lứa nuôi.

Riêng chế phẩm vi sinh khử mùi EM sử dụng trong quá trình sát khuẩn và phun lớp đệm trâu ước tính: 800 lít/lứa nuôi.

4.3. Nhu cầu và nguồn cung cấp điện, nước cho dự án

4.3.1. Nhu cầu và nguồn cấp điện

Nguồn cung cấp điện cho dự án là nguồn cấp điện từ mạng lưới điện quốc gia, điện sẽ được tiêu thụ cho các mục đích chăn nuôi, sinh hoạt,...ước tính khoảng 5.000Kwh/tháng.

4.3.2. Nhu cầu và nguồn cấp nước

Nhu cầu sử dụng nước của dự án khi hoạt động chính thức được ước tính theo bảng sau:

Bảng 1.6: Tổng nhu cầu sử dụng nước của dự án

STT	Nhu cầu sử dụng	Lưu lượng nước cấp (m ³ /ngày.đêm)
I	Nước cấp sinh hoạt	1,2
II	Nước cấp hoạt động chăn nuôi	28
1	Nước uống cho gà	20,0
2	Nước làm mát trang trại	8,0
III	Nước cấp cây xanh, đường nội bộ	1,0
TỔNG		30,2 m³/ngày.đêm

Cơ sở tính toán:

- *Nhu cầu cấp nước cho sinh hoạt:*

Khi đi vào hoạt động ổn định trang trại có 10 công nhân viên, nước dùng cho sinh hoạt của 10 công nhân viên (*căn cứ Theo TCXDVN 33:2006 của Bộ Xây dựng năm 2006 về việc cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế*, nước dùng cho sinh hoạt cho nhân viên tại Trang trại là: 120 lít/người/ngày:

$$Q_{NCSH} = 10 \text{ người} \times 120 \text{ lít/người} = 1,2 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm.}$$

- *Nhu cầu cấp nước phục vụ hoạt động chăn nuôi:* Nước sử dụng chủ yếu cho cung cấp nước uống cho gà, nước làm mát trại nuôi.

• *Lượng nước cung cấp cho gà uống*

Căn cứ *Bảng 13, mục 5.1.4 của TCVN 3773:1983*, định mức nước sử dụng để cung cấp 100 con gà/ngày.đêm (kể cả hao phí trong trại nuôi) là: 40 lít. Do đó, cứ 1 con gà sử dụng 0,4 lít/ngày đêm.

$$Q_{NU} = 0,4\text{lít/ngày đêm} \times 50.000 \text{ con gà} = 20 \text{ m}^3/\text{ngày đêm.}$$

• *Lượng nước dùng làm mát:*

Lượng nước này chiếm khoảng 16 m³ (*tương đương 2m³/ngày.đêm/dãy trại*) với mục đích làm mát cho tất cả các dãy trại. Tuy nhiên, lượng này được sử dụng tuần hoàn,

không thải ra ngoài. Lượng nước cần bổ sung hàng ngày do bốc hơi khoảng: 1 m³/ngày/dãy trại.

$$Q_{LM} = 08 \text{ dãy} \times 1,0 \text{ m}^3/\text{ngày đêm} = 8,0 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$$

– Nước tưới cây xanh, đường nội bộ: 1,0 m³/ngày.

→ Như vậy, tổng nhu cầu dùng nước cho sinh hoạt và chăn nuôi của Dự án là **30,2 m³/ngày.đêm**.

+ *Nguồn cung cấp nước:*

Sử dụng nước giếng khoan trong khu vực trang trại. Khi dự án đi vào hoạt động, trang trại sẽ sử dụng nước giếng khoan phục vụ cho sinh hoạt của công nhân, gà uống, tưới cây... Nguồn nước này có chất lượng tốt, đảm bảo chất lượng cho sinh hoạt và chăn nuôi.

5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

5.1. Quy mô xây dựng của dự án đầu tư:

5.1.1. Các hạng mục công trình chính

Tổng diện tích thực hiện dự án: 10.000 m², trong đó: Diện tích đất xây dựng: 2.898,0 m²; Diện tích sân bãi, cây xanh: 7.302,0 m²).

Bảng 1.7: Hạng mục đầu tư xây dựng chính của dự án

STT	Tên hạng mục	Số lượng	Kích thước	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ %
I	Các hạng mục công trình chính				
1	Dãy nuôi gà	08	5 x 60	2.400	24,0
II	Các hạng mục công trình phụ trợ				
2	Nhà bảo vệ	01	3 x 4	12	0,12
3	Nhà để xe	01	3 x 5	15	0,15
4	Nhà sát trùng xe	01	5 x 10	50	0,5
5	Kho chứa thức ăn	01	6 x 6	36	0,36
6	Kho chứa thuốc thú y	01	4 x 6	24	0,24
7	Đài nước 50m ³	01	5 x 9	45	0,45
III	Các hạng mục bảo vệ môi trường				
8	Nhà ủ phân	01	10 x 12	120	1,2
9	Hố chôn xác gà	01	1,5 x 2	3	0,03
10	Kho chứa CTNH	01	4 x 5	20	0,2
11	Đất dự phòng xử lý chôn lấp	-	-	500	
IV	Cây xanh, sân bãi				
		-	-	6.775	73,02
Tổng cộng				10.000	100,0

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Ong mật Bảo An Tây Ninh, 2023)

Khu trại nuôi gà: diện tích 2.400m², bao gồm 08 dãy trại, một dãy trại 300m² có sức chứa 6.250 con/trại nuôi. Khoảng cách giữa 2 trại là 10,0 m. Chiều cao đến đỉnh

mái là 4,33m. Mái lợp tole, hệ kèo là khung sắt, tường xây gạch đất nung bao che dày 20cm. Nền bê tông đá 1x2, M200, dày 150, nền trại tạo độ dốc 3% từ hướng Tây sang hướng Đông, rãnh thoát nước tạo độ dốc 2% về hướng Đông Nam. Cuối mỗi dãy trại bố trí 4 quạt hút, tổng cộng 32 quạt hút mùi cho 08 dãy chuồng nuôi.

5.1.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án

➤ *Các hạng mục công trình phụ trợ chăn nuôi*

Nhà sát trùng: diện tích 50m² thực hiện công tác sát trùng xe và người ra vào trại chăn nuôi với kết cấu nền BTCT, cột kèo thép, tường gạch, quét vôi bên ngoài, mái tole.

Kho thức ăn: diện tích 36 m² với kết cấu móng, nền BTCT, cột kèo thép, tường gạch, mái tole.

Kho chứa thuốc thú y: 01 kho, diện tích 24 m² với kết cấu móng, nền BTCT, cột kèo thép, tường gạch, mái tole.

➤ *Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:*

Kho chứa CTNH: diện tích 20 m², kho được xây dựng tường gạch bao quanh, mái che bằng tôn, nền bê tông, có khay hứng chất thải lỏng rơi vãi, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định. Trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

Hố chôn xác gà: số lượng 01 hố, diện tích 3,0 m² xây dựng hố bê tông, có nắp đan đậy kín được đặt cách xa khu nhà ở công nhân, phía cuối trại.

Nhà ủ phân: diện tích 120 m² để ủ phân sau mỗi lứa nuôi với kết cấu khung thép, mái lợp tôn, nền bê tông.

Khu vực đất dự phòng xử lý chôn lấp: diện tích đất dự phòng khoảng 500 m² được bố trí phòng trừ trường hợp dịch bệnh lây lan, tiêu hủy toàn bộ gà tại trang trại.

(Bản vẽ mặt bằng các hạng mục công trình của trại được đính kèm trong phụ lục)

➤ *Các hạng mục công trình phụ trợ khác*

a, Hệ thống điện

- Nguồn cung cấp điện cho dự án là nguồn cấp điện từ mạng lưới điện quốc gia.
- Hệ thống điện đi trong trại trên máng cáp, nếu đi nổi thì đi trong ống thép không rỉ, HT chống sét công trình theo TCVN 46-84, Max Rtd: 10 Ω.
- Chiếu sáng khu vực sản xuất đạt từ 100 - 200 lux tùy theo yêu cầu của từng khu vực.
- Khi dự án đi vào hoạt động thì nhu cầu sử dụng điện cho dự án khoảng 5.000 Kwh/tháng. Như vậy, ước tính mỗi năm dự án sử dụng khoảng 60.000 Kwh/năm.

b, Hệ thống cấp nước

Nước được sử dụng cấp cho giai đoạn xây dựng, chăn nuôi, sinh hoạt. Nguồn nước cấp là nguồn nước giếng khoan của dự án. Giếng khoan cách xa các công trình lây nhiễm như hầm tự hoại (>10m),...

c, Hệ thống thoát nước

Hệ thống thoát nước mưa của dự án được bố trí dọc theo trang trại và tách biệt với tuyến thoát nước thải. Tuyến thoát nước mưa trên mái có kết cấu ống PVC Ø114 thoát nước mưa từ mái nhà xuống cống thoát nước mưa của dãy trại nuôi, sau đó chảy vào mương thu nước mưa có kết cấu BTCT. Nước mưa chảy tràn được thu gom vào các hố ga sau đó thoát ra mương thoát nước khu vực.

Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,2 m³/ngày.đêm, xây dựng bể tự hoại 03 ngăn có kích thước (2mx1,5mx1,5m) có thể tích 4,5m³ để xử lý đảm bảo quy chuẩn môi trường.

d, Hệ thống thông tin liên lạc

Hệ thống thông tin liên lạc với chức năng liên lạc, truyền thông tin, thông báo, tìm kiếm dữ liệu...khi cần thiết, được đấu nối vào hệ thống cáp thông tin liên lạc có sẵn và chịu sự quản lý của bưu điện tỉnh Tây Ninh, gồm:

- Hệ thống Internet
- Hệ thống điện thoại

5.1.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

5.1.3.1. Công trình xử lý nước thải

- Nước thải chăn nuôi: Trang trại áp dụng mô hình chăn nuôi khép kín sử dụng đệm lót sinh học. Do đó, không sử dụng nước để vệ sinh, rửa trại nên không phát sinh nước thải từ quá trình vệ sinh trang trại. Trên nền đệm lót sinh học phân thải ra được vi sinh phân hủy hết. Do đó, sau mỗi đợt xuất trại, chủ dự án sẽ tiến hành cho công nhân thu gom, tháo dỡ lớp đệm lót lẫn phân gia cầm đem đi ủ phân, sau đó sử dụng làm phân bón cho cây trồng.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,2 m³/ngày.đêm, xây dựng bể tự hoại 03 ngăn có kích thước (2mx1,5mx1,5m) có thể tích 4,5m³ để xử lý, khi bể đầy sẽ thuê đơn vị hút hầm cầu đến hút và vận chuyển đến nơi xử lý đúng quy định đảm bảo quy chuẩn môi trường.

5.1.3.2. Công trình xử lý khí, mùi hôi

+ Trang trại áp dụng chăn nuôi theo phương pháp trại lạnh khép kín và tự động kiểm soát nguồn thức ăn, nước uống nên có thể hạn chế được sự phát tán mùi phát sinh trong quá trình chăn nuôi và được sự hướng dẫn của đơn vị cung cấp con giống ngay từ giai đoạn thiết kế, xây dựng.

+ Bố trí các quạt hút và hệ thống làm mát trong mỗi dãy trại nuôi nhằm thông thoáng cho trại nuôi và trang trại.

- + Mùi hôi sau hệ thống quạt hút được xử lý bằng buồng thu khí kết hợp với hệ thống vòi phun sương phun chế phẩm khử mùi EM trước khi thoát ra môi trường.
- + Thường xuyên làm sạch phần nền trong và xung quanh khu vực ủ phân.
- + Phun chế phẩm EM xung quanh khu vực trại nuôi (tần suất 11 lần/tuần) để giảm thiểu mùi hôi.
- + Nhà ủ phân phải có mái che, có cửa ra vào, bố trí rãnh thoát nước xung quanh. Bên trong nhà chứa chất thải lấp đặt quạt thông gió để làm thông thoáng khí.
- + Chất thải sau mỗi đợt nuôi được thu gom và tập kết vào nhà ủ phân để bón cho cây trồng.
- + Ngoài ra, sử dụng một số các chế phẩm sinh học như Bioxide, Biodine, Chloramin,... để tiêu độc, khử trùng chuồng trại định kỳ nhằm hạn chế mùi hôi phát sinh tại khu vực chuồng trại.

5.1.3.3. Công trình thu gom chất thải rắn

- + Chất thải rắn phát sinh sẽ được bố trí các thùng rác loại 10 – 20 lít tại các khu vực cố định trong khu vực trang trại để thu gom rác.
- + Thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào các thùng chứa có nắp đậy. Các thùng chứa được bố trí tại khu vực xung quanh và trong trang trại. Chủ dự án sẽ tiến hành ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.
- + Chất thải nguy hại được thu gom và lưu chứa tại kho chứa chất nguy hại diện tích 20m². Sử dụng thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại ở dạng lỏng. Khu vực lưu trữ, tập kết chất thải nguy hại sẽ được bố trí tuân thủ theo quy định và chủ dự án sẽ tiến hành ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.
- + Chất thải chăn nuôi: Đối với phân gia cầm lẫn trấu từ đệm lót sinh học sau mỗi đợt xuất trại sẽ được thu gom đem đi ủ phân sinh bón cho cây trồng. Do đó, chất thải rắn phát sinh chủ yếu từ bao bì đựng thức ăn, chai lọ không nhiễm thành phần nguy hại.
- Đối với bao bì đựng thức ăn chăn nuôi được thu gom lại và bán cho đơn vị có nhu cầu hoặc có thể sử dụng bao bì để chứa phân.
- Đối với chai lọ không nhiễm thành phần nguy hại được thu gom, phân loại bán cho đơn vị thu mua phế liệu.
- Đối với gà chết: Trại thường xuyên được khử trùng, gà được tiêm ngừa phòng bệnh định kỳ nên lượng gà chết tương đối ít. Lượng gà chết do giã đập (không phải do bệnh tật) sẽ được công nhân tại trại chăn nuôi thu gom và xử lý tại hầm xử lý xác gà chết có nắp đậy kín, rải vôi bột lên trên cùng đồng xác nhằm tiêu độc khử trùng.
- Nhận xét:** Trại chăn nuôi đặt tại vị trí rộng, thoáng, dân cư thưa thớt nên thuận lợi trong việc phát triển hoạt động chăn nuôi. Hơn nữa, dự án đi vào hoạt động ngoài việc mang lại hiệu quả kinh doanh cho chủ đầu tư còn góp phần tăng thu ngân sách cho địa phương, tạo công ăn việc làm với thu nhập ổn định cho người dân, góp phần giải quyết

tình trạng thất nghiệp và lành mạnh hoá môi trường xã hội tại địa phương. Tuy nhiên quá trình hoạt động của dự án cũng sẽ có các tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh như ô nhiễm tiếng ồn, ô nhiễm nguồn nước và mùi hôi từ quá trình chăn nuôi phát tán ra xung quanh. Vì vậy, chủ dự án sẽ có các các biện pháp giảm thiểu tác động thấp nhất đến môi trường.

CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG

Với sự đồng tình nhất quán của cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh thông qua Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án: 1311064104, chứng nhận lần đầu ngày 26/04/2023, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 11/05/2023 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và định hướng chiến lược kinh doanh của Công ty TNHH MTV Ong mật Bảo An Tây Ninh thì vị trí khu đất thực hiện Dự án rất phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế tỉnh Tây Ninh, phù hợp với hạ tầng kỹ thuật của khu vực, phù hợp với quy hoạch ngành chăn nuôi của tỉnh Tây Ninh.

Về quy hoạch ngành: Căn cứ Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh về phê duyệt Đề án cơ cấu lại nông nghiệp tỉnh Tây Ninh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Dự án trang trại chăn nuôi gà xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh của Công ty TNHH MTV Ong mật Bảo An Tây Ninh là phù hợp.

- Vị trí của Dự án đảm bảo khoảng cách an toàn đến nhà dân và khu dân cư gần nhất, gần khu vực dự án không có các đối tượng tự nhiên như: hệ thống đồi núi, khu bảo tồn...mà chỉ có đất nông nghiệp như: trồng cây hàng năm: mì, hoa màu..., không có các đối tượng kinh tế - xã hội như: các công trình văn hóa, tôn giáo, các di tích lịch sử...cũng là điểm cộng trong đánh giá sự phù hợp của vị trí nơi thực hiện Dự án.

Theo Điều 5 Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi. “*Khoảng cách từ trang trại chăn nuôi quy mô lớn đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, khu dân cư tối thiểu là 400 mét; trường học, bệnh viện, chợ, nguồn cung cấp nước sinh hoạt cho cộng đồng dân cư tối thiểu là 500 mét*”.

+ Trong vòng bán kính 400m không có dân cư sinh sống, khoảng cách đến nhà dân gần nhất khoảng 500m, xung quanh khu đất thực hiện Dự án chủ yếu là đất cao su, cây ăn trái; cách các hộ dân tập trung đông khoảng 1,8 km, các hộ dân này sinh sống dọc đường ĐT 781. Các hộ dân phần lớn sinh sống bằng sản xuất nông nghiệp, trồng mì, chăn nuôi gia súc, gia cầm, một số ít hiện đang sinh sống loại hình dịch vụ nhỏ lẻ như: quán ăn, quán nước, cửa hàng buôn bán nhỏ.

+ Trong vòng bán kính 500m không có trường học, bệnh viện, chợ, nguồn cung cấp nước cho cộng đồng dân cư.

+ Giao thông: khu vực dự án có nhiều tuyến đường lớn như ĐT 781 nối các huyện trong khu vực tỉnh Tây Ninh nên rất thuận tiện cho việc vận chuyển nguyên vật liệu và xuất bán gà.

+ Dự án nằm tại vị trí có dân cư thưa thớt và chưa có hệ thống thu gom nước thải cũng như thu gom rác thải sinh hoạt, đối với lượng rác thải sinh hoạt này chủ dự án sẽ có biện pháp xử lý thích hợp.

- Vị trí dự án đảm bảo khoảng cách an toàn về chăn nuôi trang trại theo Điều 5 Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi và quy chuẩn QCVN 01 - 15: 2010/BNNPTNT về điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học.

- Dự án có bố trí và xây dựng các biện pháp giảm thiểu và xử lý khí thải đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường. Đảm bảo không phát tán khí thải, tiếng ồn quá mức quy định có thể gây ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh (sẽ nêu rõ ở các chương sau).

- Bố trí điểm tạm lưu giữ chất thải rắn tại cơ sở trước khi được vận chuyển đi xử lý. Có đủ phương tiện, thiết bị thu gom, lưu giữ chất thải rắn và phải thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.

- Có trang thiết bị và nguồn lực đảm bảo đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, sự cố chăn nuôi (sẽ nêu rõ ở các chương sau).

- Có hệ thống, điểm quan trắc nước thải, khí thải đúng với quy định của Pháp Luật (sẽ nêu rõ ở các chương sau).

➤ Với loại hình Dự án đầu tư là Trại chăn nuôi gà quy mô nuôi 250 đơn vị vật nuôi tương đương 50.000 con/lứa, nuôi bằng công nghệ trại lạnh. Dự án phù hợp với Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Tây Ninh và định hướng phát triển nông, lâm, ngư nghiệp huyện Châu Thành đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030. Tại đó nêu rõ:

+ Áp dụng công nghệ tiên tiến từng bước hiện đại hóa ngành chăn nuôi theo hướng trang trại sản xuất công nghiệp và nâng cao hiệu quả, khả năng kiểm soát dịch bệnh.

+ Tăng tỷ trọng chăn nuôi trang trại để nâng cao năng suất, giảm giá thành, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và kiểm soát tốt dịch bệnh. Khuyến khích các tổ chức cá nhân đầu tư phát triển chăn nuôi, trong đó chăn nuôi trang trại công nghiệp là xu hướng chủ đạo đồng thời hỗ trợ chăn nuôi nông hộ và các hình thức chăn nuôi khác cùng phát triển hướng tới chăn nuôi trang trại, công nghiệp.

→ *Dự án lựa chọn công nghệ chăn nuôi gà Trại lạnh hiện đang là xu thế trong ngành chăn nuôi đồng thời đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường; chuồng trại xây kín theo xu hướng công nghiệp không để lọt các tác nhân gây bệnh không mong muốn vào trong các trại, đảm bảo không có dịch bệnh trong đàn.*

+ Phát triển chăn nuôi phải gắn với bảo vệ môi trường và cải tạo đất trồng.

→ *Trang trại chăn nuôi gà trên nền đệm lót sinh học là sự lên men vi sinh vật trên nền đệm lót, khi phân thải ra được vi sinh phân hủy hết, đệm lót sinh học sau mỗi lứa nuôi được bảo quản, ủ thành phân giàu dinh dưỡng bón cho cây trồng.*

+ Phát triển chăn nuôi nhằm tạo việc làm, nâng cao thu nhập của khu vực nông nghiệp, góp phần cải thiện chất lượng dinh dưỡng cho người dân và thúc đẩy tiến trình giảm nghèo. Sản phẩm chăn nuôi không chỉ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong huyện, tỉnh mà còn cho nhu cầu ngoài tỉnh, nhất là xuất khẩu.

→ *Dự án sẽ thuê nhân công về trại làm việc nhằm tạo việc làm cho người dân. Sản phẩm là gà nuôi bằng phương pháp Trại lạnh đảm bảo chất lượng thịt đầu ra sạch,*

DVTV: Công ty TNHH MTV SXTM & DV Môi trường Khang Thịnh

Địa chỉ: số 27, Nguyễn Thị Minh Khai, KP4, Phường 2, TP.Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: 02763.630.631 – Hotline: 0909.879.587

nhiều dinh dưỡng; quy mô chăn nuôi 50.000 con/lúa (45 ngày) và bình quân mỗi lúa dự án xuất cung cấp cho thị trường khoảng 125.000 kg thịt gà sạch mong muốn đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu cho huyện, tỉnh và ngoài tỉnh.

→ Dự án Phù hợp với các tiêu chí của Quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Đối với môi trường nước

Nước thải sinh hoạt: Nguồn nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án chủ yếu của công nhân làm việc tại trang trại với lưu lượng khoảng 1,2m³/ngày.đêm, sẽ được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn định kỳ thuê đơn vị hút hầm cầu đến hút và vận chuyển đến nơi xử lý đúng quy định.

- Nước thải chăn nuôi: Trang trại áp dụng mô hình chăn nuôi khép kín sử dụng đệm lót sinh học. Do đó, không sử dụng nước để vệ sinh, rửa trại nên không phát sinh nước thải từ quá trình vệ sinh trang trại. Trên nền đệm lót sinh học lượng phân thải ra được vi sinh phân hủy hết. Do đó, sau mỗi đợt xuất trại, chủ dự án sẽ tiến hành cho công nhân thu gom, tháo dỡ lớp đệm lót lẫn phân gia cầm đem đi ủ phân sử dụng làm phân bón cho cây trồng.

Như vậy, với quy mô hoạt động của trang trại theo mô hình trại lạnh khép kín và chăn nuôi trên nền đệm lót sinh học không phát sinh nước thải chăn nuôi, chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt khoảng 1,2 m³/ngày.đêm, với lưu lượng nước thải phát sinh rất ít và không thải ra môi trường xung quanh nên không ảnh hưởng đến khả năng chịu tải của môi trường nước mặt xung quanh dự án.

2.2. Đối với môi trường không khí

Với đặt thù của dự án là chăn nuôi gà nên trong quá trình chăn nuôi sẽ phát sinh khí thải và mùi hôi, khí thải phát sinh trong khu vực trại nuôi gà chủ yếu là các khí thải gây mùi hôi như H₂S, NH₃ và các chất gây mùi hôi thối như mercaptan,...từ quá trình phân giải các chất như protein, lipid,.. trong chất thải chăn nuôi bởi các vi sinh vật kỵ khí. Mùi hôi phát sinh từ hệ thống quạt hút trao đổi không khí phía trong và bên ngoài các dãy trại nuôi nhằm thông thoáng môi trường không khí phía trong trại nuôi gà. Quá trình hút, trao đổi không khí sẽ hút thải không khí ô nhiễm (mùi hôi) phía trong trại nuôi ra bên ngoài. Mùi hôi có thể theo gió phân tán gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí tại khu vực và khu vực phía bên ngoài dự án.

Trang trại áp dụng chăn nuôi theo phương pháp trại lạnh khép kín và tự động kiểm soát nguồn thức ăn, nước uống nên có thể hạn chế được sự phát tán mùi phát sinh trong quá trình chăn nuôi và được sự hướng dẫn của đơn vị cung cấp con giống ngay từ giai đoạn thiết kế, xây dựng. Chủ dự án bố trí các quạt hút và hệ thống làm mát trong mỗi dãy trại nuôi nhằm thông thoáng cho trại nuôi và trang trại. Phía sau mỗi dãy trại sẽ được lắp đặt quạt hút. Mùi hôi và khí thải sẽ được thu gom ra ngoài bằng các quạt hút theo hướng cuối mỗi dãy trại nuôi, chủ dự án bố trí hệ thống thu gom khí thải, mùi hôi phía sau quạt hút.

Đồng thời với vị trí dự án nằm trong khu vực dân cư thưa thớt, xung quanh chủ yếu là đất trồng cây của người dân, trong vòng bán kính 2km không có trang trại chăn nuôi nào khác hoạt động, vị trí khu đất đảm bảo đúng quy chuẩn QCVN 01-15:2010/BNNPTNT về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học và Thông tư 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số điều của Luật chăn nuôi. Vì vậy khí thải và mùi hôi phát sinh trong quá trình chăn nuôi đảm bảo đủ khả năng chịu tải của môi trường không khí xung quanh trang trại.

CHƯƠNG III: ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. DỮ LIỆU VỀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT

1.1. Hiện trạng môi trường

Nước mặt: Chất lượng nước mặt tại các sông suối, kênh rạch trên địa bàn huyện Châu Thành còn khá tốt. Dự án không có hoạt động khai thác sử dụng nước mặt nên sẽ không gây tranh chấp về tài nguyên nước mặt với các đối tượng sử dụng nước mặt trong khu vực. Dự án có biện pháp thu gom nước mưa hợp lý, tránh làm nhiễm bẩn lượng nước mưa chảy tràn, sẽ không gây tác động đến nguồn nước mặt của khu vực.

Nước ngầm: Theo tài liệu thăm dò nước ngầm, nguồn nước ngầm tại khu vực thực hiện Dự án có khả năng khai thác phục vụ cho hoạt động của trang trại, kết cấu giếng thăm dò cho thấy phức hệ chứa nước trong khu vực gồm 03 tầng sau:

Tầng 1: Nước ngầm thấm rỉ qua lớp đá ong nên lượng nước từ trung bình đến nghèo.

Tầng 2: Tầng nước ngầm trong lớp đất cát ở độ sâu 16 - 28 m tính từ mặt đất.

Tầng 3: Nước ngầm xuất hiện do thấm qua tầng lớp phong hóa nên lượng nước từ trung bình đến nghèo.

Nguồn nước ngầm của huyện do vị trí kiến tạo địa chất đã tạo cho khu vực có nguồn nước ngầm khá phong phú, phân bố đều khắp trên lãnh thổ của huyện. Với trữ lượng và chất lượng nước của huyện như trên đã đảm bảo được nhu cầu nước sinh hoạt cho nhân dân và nước tưới tiêu.

Không khí: Khí hậu của khu vực dự án nằm trong vùng ảnh hưởng của khí hậu chung của huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, mang đặc trưng khí hậu nhiệt đới cận xích đạo gió mùa với 2 mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô.

+ Mùa mưa bắt đầu từ tháng 04 đến tháng 10: Ảnh hưởng chủ yếu là gió mùa Tây Nam mang nhiều hơi ẩm gây ra mưa nhiều. Lượng mưa mùa này chiếm tỷ lệ 85 – 90% lượng mưa cả năm. Đây cũng là thời kỳ có những đợt mưa lớn do hoạt động của các dải hội tụ nhiệt đới, vùng khí áp thấp và ảnh hưởng của bão

+ Mùa khô bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 03 năm sau: chịu sự chi phối của gió mùa mùa Đông, khô và hanh. Lượng mưa trong mùa này chỉ chiếm 10 – 15% lượng mưa cả năm. Thời tiết trong mùa này chủ yếu là nắng nóng, nhất là các tháng cuối mùa (tháng 02, tháng 03).

+ Mang tính chất đặc thù của khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, có nền nhiệt cao đều quanh năm, ít ảnh hưởng gió bão và không có mùa đông giá lạnh. Nhiệt độ trung bình của năm 2021 là 27,2°C

+ Năm 2021, độ ẩm trung bình vào các tháng mùa mưa dao động trong khoảng 81 – 87%, cao nhất là các tháng 6,7,8,9 (trung bình 84 - 86%). Các tháng mùa khô có độ ẩm thấp hơn, thường chỉ vào khoảng 65- 77%. Trong đó tháng có độ ẩm trung bình thấp nhất vào tháng 3 là 68%.

+ Lượng mưa mùa mưa chiếm khoảng 70,0% tổng lượng mưa cả năm. Số ngày mưa trung bình năm 141 ngày. (Mưa lớn tập trung từ tháng 5 đến tháng 10). Lượng mưa tháng cao nhất trong năm 2021 lên đến 409,9 mm (tháng 10/2021).

+ Hướng gió chính trong vùng là Đông Bắc và Tây Nam. Gió Đông Bắc thịnh hành vào mùa khô, gió Tây Nam thịnh hành vào mùa mưa. Tốc độ gió trung bình hàng năm từ 1 – 1,5m/s. Trong vùng ít xuất hiện bão, thường xuyên xuất hiện các cơn lốc xoáy vào cuối mùa mưa và đầu mùa khô.

+ Khu vực nằm trong vùng dồi dào nắng. Tổng số giờ nắng trong năm từ 2.400 - 2.500 giờ. Số giờ nắng bình quân trong ngày từ 6,2 - 6,6 giờ. Thời gian nắng nhiều nhất vào tháng 1, 2, 3, 4 và thời gian ít nắng nhất vào tháng 7, 8 và 9.

Đất: Môi trường đất trên khu vực dự án nhìn chung vẫn còn ở mức an toàn cho sản xuất nông nghiệp và các hoạt động khác, chưa có dấu hiệu như ô nhiễm hữu cơ, nhiễm kim loại nặng hay thuốc bảo vệ thực vật. Do vậy, có thể nói sức chịu tải của môi trường đất trên khu vực dự án vẫn có thể đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội trong giai đoạn tiếp theo, cũng như việc tiếp nhận xây dựng dự án tại vị trí lựa chọn.

1.2. Hiện trạng đa dạng sinh học

Quá trình khảo sát, điều tra hiện trạng hệ sinh thái tự nhiên tại khu đất dự án và khu vực xung quanh cho thấy hệ sinh thái khu vực dự án chủ yếu là hệ sinh thái khô cạn, không có các loài động vật, thực vật quý hiếm.

Thực vật: Nhìn chung khu vực thực hiện dự án nằm trong khuôn viên đất thực hiện của dự án, khu đất xung quanh chủ yếu là vùng đất trống (cây bụi, cỏ dại là chủ yếu). Thảm thực vật ở khu vực xung quanh Dự án chủ yếu là cây bụi, cỏ bụi hoang dại, cây cao su và cây mì nên các tác động đến môi trường không khí, nước và tài nguyên sinh vật xung quanh dự án là không đáng kể. Hiện trạng tài nguyên sinh vật xung quanh dự án không đáng kể chủ yếu là các loại thực vật cảnh, cỏ dại,....

Động vật: Trong vùng dự án không có các loại động vật hoang dã quý hiếm. Các loài động vật khu vực này chủ yếu là: các loài chim (cò, vạc, sáo, én, ...), các loài gặm nhấm (chuột, sóc), các loài bò sát (rắn, tắc kè, ...), các loại lưỡng cư (ếch, nhái, ...), một số loài cá (cá rô, cá sặc, cá lóc, cá trê, ...) và côn trùng các loại. Các loài động vật này không thuộc loại thực vật quý hiếm cần được bảo vệ.

Nhìn chung khu đất thực hiện dự án và khu vực xung quanh có hệ động thực vật không đa dạng về loài và không có các loài quý hiếm. Do vậy việc phá bỏ thảm thực vật trong giai đoạn xây dựng Dự án sẽ không ảnh hưởng đến tính đa dạng sinh học trong vùng.

1.3. Hiện trạng về điều kiện địa hình địa chất khu đất dự án

1.3.1. Địa hình

Khu đất thực hiện dự án hiện trạng chủ yếu là đất trồng cây cao su, địa hình tương đối bằng phẳng, địa hình có chiều hướng thấp dần theo hướng Tây Bắc – Đông Nam nên phù hợp với việc xây dựng trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín.

1.3.2. Địa chất

Huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh thuộc vùng miền Đông Nam Bộ, đất đai chủ yếu là đất xám, bạc màu không có khả năng thâm canh; đất bằng phẳng có độ dốc dưới 3%; địa chất công trình tốt, cho thấy yếu tố địa hình và địa chất công trình của khu vực dự án thuận tiện cho việc xây dựng các công trình Dự án.

2. MÔ TẢ VỀ MÔI TRƯỜNG TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI CỦA DỰ ÁN

Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nước thải chăn nuôi: Trang trại áp dụng mô hình chăn nuôi khép kín sử dụng đệm lót sinh học. Do đó, không sử dụng nước để vệ sinh, rửa trại nên không phát sinh nước thải từ quá trình vệ sinh trang trại. Trên nền đệm lót sinh học lượng phân thải ra được vi sinh phân hủy hết. Do đó, sau mỗi đợt xuất trại, chủ dự án sẽ tiến hành cho công nhân thu gom, tháo dỡ lớp đệm lót lẫn phân gia cầm đem đi ủ phân, sau đó sử dụng làm phân bón cho cây trồng.

- Nguồn tiếp nhận nước mưa: Hệ thống thoát nước mưa của dự án được bố trí dọc theo trang trại và tách biệt với tuyến thoát nước thải. Tuyến thoát nước mưa trên mái có kết cấu ống PVC Ø114 thoát nước mưa từ mái nhà xuống cống thoát nước mưa của dãy trại nuôi, sau đó chảy vào mương thu nước mưa có kết cấu BTCT. Nước mưa chảy tràn được thu gom vào các hố ga sau đó thoát ra mương thoát nước khu vực.

Do trang trại không xả nước thải ra nguồn tiếp nhận nên báo cáo không trình bày và đánh giá về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án.

3. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CÁC THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẤT, NƯỚC, KHÔNG KHÍ NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN

Để đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường tại khu vực dự án, Chủ dự án phối hợp với Đơn vị phân tích – Công ty CP Xây dựng và Môi trường Đại Phú tiến hành khảo sát, đo đạc và lấy mẫu phân tích trên khu vực dự án để có những đánh giá chính xác về hiện trạng môi trường, nhận dạng rõ tác động từ quá trình triển khai xây dựng và vận hành, từ đó đưa các biện pháp giảm thiểu thích hợp.

- ❖ Ngày lấy mẫu lần 1: 17/04/2023
- ❖ Ngày lấy mẫu lần 2: 18/04/2023
- ❖ Ngày lấy mẫu lần 3: 19/04/2023

Vị trí lấy mẫu sẽ mang tính đại diện để giám sát chất lượng môi trường ở những vị trí có khả năng bị tác động của quá trình triển khai dự án.

- 01 mẫu nước dưới đất trong khu vực dự án để đánh giá chất lượng nước dưới đất trước và trong giai đoạn xây dựng ảnh hưởng đến chất lượng nước.
- 01 mẫu đất đào được lấy ở khu vực xây dựng để đánh giá chất lượng đất đào trước khi đề xuất phương án xử lý.
- 01 mẫu không khí được lấy ở khu vực khuôn viên dự án để đánh giá chất lượng không khí trước khi thi công và ảnh hưởng của việc thi công và vận hành dự án.

Các chỉ tiêu phân tích đều là phù hợp với đặc trưng riêng của dự án, đặc điểm môi trường tại huyện Châu Thành nói chung và khu vực dự án thuộc xã Thành Long nói

riêng. Các tiêu chuẩn so sánh đều là các tiêu chuẩn mới, phù hợp với môi trường được khảo sát, lấy mẫu.

3.1. Hiện trạng môi trường đất

Kết quả phân tích chất lượng đất hiện trạng tại dự án như sau:

+ Số lượng mẫu: 03 mẫu (Lấy 01 vị trí trong khu vực ngày 17/04/2023, 18/04/2023, 19/04/2023).

+ Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí khu vực thực hiện Dự án

Bảng 3.1. Kết quả phân tích chất lượng đất khu vực dự án

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ			QCVN 03-MT: 2015/BTNMT (Đất công nghiệp)
			17/04/2023	18/04/2023	19/04/2023	
1	Cu ^(a,b)	mg/kg	12,2	12,6	12,4	300
2	Zn ^(a,b)	mg/kg	14	14,5	13,5	300
3	Cd ^(a,b)	mg/kg	KPH (MDL=0,27)	KPH (MDL=0,27)	KPH (MDL=0,27)	10
4	Pb ^(a,b)	mg/kg	4,1	5,5	4,7	300
5	As ^(c)	mg/kg	KPH (MDL= 0,36)	KPH (MDL= 0,36)	KPH (MDL= 0,36)	25

(Nguồn: Công ty CP Xây dựng và Môi trường Đại Phú, 2023)

Nhận xét: So sánh kết quả phân tích với QCVN 03-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của kim loại nặng trong đất (Cột dành cho đất công nghiệp) cho thấy chất lượng môi trường đất khu vực dự án có chất lượng tương đối tốt. Tất cả các chỉ tiêu đều thấp hơn so với quy chuẩn.

3.2. Hiện trạng môi trường không khí

Kết quả phân tích chất lượng không khí hiện trạng tại dự án như sau:

+ Số lượng mẫu: 03 mẫu (Lấy 01 vị trí trong khu vực ngày 18/04/2023, 19/04/2023, 20/04/2023).

+ Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí khu vực thực hiện Dự án

Bảng 3.2: Kết quả phân tích mẫu không khí tại Dự án

STT	Vị trí đo đạc	Ngày	Chỉ tiêu				
			Bụi $\mu\text{g}/\text{m}^3$	CO $\mu\text{g}/\text{m}^3$	NO ₂ $\mu\text{g}/\text{m}^3$	SO ₂ $\mu\text{g}/\text{m}^3$	Độ ồn dBA
01	Khu vực	17/04/2023	102	<9.000	33	<35	58,3
02	thực hiện dự	18/04/2023	86	<9.000	31	<35	57,2
03	án	19/04/2023	94	<9.000	35	<35	56,1
QCVN 05:2013/BTNMT			300	30.000	200	350	-
QCVN 26:2010/BTNMT			-	-	-	-	70

(Nguồn: Công ty CP Xây dựng và Môi trường Đại Phú, 2023)

Ghi chú: QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. QCVN 06:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

Nhận xét: Qua kết quả đo đạc, phân tích các chỉ tiêu mẫu không khí xung quanh các khu vực trong khu đất dự án so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và không khí xung quanh thì nồng độ Bụi, NO₂, SO₂, CO tại các vị trí đo đạc đều nằm trong giới hạn tối đa cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT. Tiếng ồn nằm trong giới hạn cho phép so sánh với quy chuẩn kỹ thuật QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

3.3. Hiện trạng môi trường nước dưới đất

Kết quả phân tích chất lượng không khí hiện trạng tại dự án như sau:

+ Số lượng mẫu: 03 mẫu (Lấy 01 vị trí trong khu vực ngày 17/04/2023, 18/04/2023, 19/04/2023).

+ Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí khu vực thực hiện Dự án

Bảng 3.3. Kết quả phân tích nước dưới đất

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ			QCVN 09-MT:2015/BTNMT
			17/04/2023	18/04/2023	19/04/2023	
1	pH ^(a,b)	-	6,79	6,85	6,83	5,5 ÷ 8,5
2	TDS ^(a,b)	mg/L	109	121	118	1.500
3	Độ cứng tổng số ^(a,b)	mg/L	32,8	37,2	36,4	500
4	NO ₂ ⁻ (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^(a,b)	mg/L	KPH (MDL=0,005)	KPH (MDL=0,005)	KPH (MDL=0,005)	1
5	NO ₃ ⁻ (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(a,b)	mg/L	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	15
6	Fe ^(a)	mg/L	0,24	0,21	0,22	5
7	Cl ^{-(a,b)}	mg/L	34	35	16	250
8	E.Coli ^(a,b)	CFU/100mL	KPH	KPH	KPH (MDL=1)	KPHT ⁽¹⁾

DVTV: Công ty TNHH MTV SXTM & DV Môi trường Khang Thịnh

Địa chỉ: số 27, Nguyễn Thị Minh Khai, KP4, Phường 2, TP.Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: 02763.630.631 – Hotline: 0909.879.587

			(MDL=1)	(MDL=1)		
9	Coliform ^(a, b)	CFU/100mL	KPH (MDL=1)	KPH (MDL=1)	KPH (MDL=1)	3
10	Mn ^(a)	mg/L	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	0,5
11	Chỉ số Pecmanga nat ^(a,b)	mg/L	0,8	0,77	0,83	4

(Nguồn: Công ty CP Xây dựng và Môi trường Đại Phú)

Nhận xét: So sánh kết quả phân tích với QCVN 09-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất cho thấy chất lượng môi trường nước dưới đất khu vực dự án đều nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép so với quy chuẩn.

CHƯƠNG IV: ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN TRIỂN KHAI XÂY DỰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Công ty đã được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp Giấy xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường số 14/GXN-UBND, ngày 01/09/2021.

Tuy nhiên, tại thời điểm Công ty được cấp Giấy xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường thì tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn ra nên Chủ đầu tư chỉ mới xây dựng trang trại và đầu tư máy móc thiết bị và chưa đi vào hoạt động. Dự án chỉ nhập con giống về và tiến hành quá trình chăn nuôi do đó không diễn ra các hoạt động thi công, xây dựng, san lấp, đền bù và giải phóng mặt bằng. Hoạt động chủ yếu trong giai đoạn này chủ yếu là vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ quá trình chăn nuôi tại trang trại. Do đó, Công ty không đánh giá và đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ trong giai đoạn này.

2. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN DỰ ÁN ĐI VÀO VẬN HÀNH

2.1. Đánh giá, dự báo các tác động

2.1.1. Nguồn tác động có liên quan đến chất thải

A. Tác động đến môi trường không khí

- Bụi và khí thải từ các phương tiện ra vào dự án

Trong quá trình hoạt động tại Dự án có các hoạt động giao thông vận tải của công nhân làm việc trong trang trại và xe vận chuyển (vận chuyển gà cũng như lượng xe công nhân ra vào khu vực trang trại). Các loại phương tiện giao thông (xe máy, xe chuyên chở, xe văng lai) và các loại xe vận tải chuyên chở nguyên nhiên vật liệu ra vào dự án sinh ra khí thải bao gồm Bụi, SO_x, NO_x, CO, THC... gây ảnh hưởng tác động tiêu cực tới môi trường.

Tải lượng khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án được tính toán như sau:

- Xe tải: 2 lượt xe ra vào/ngày.
- Xe mô tô 2 bánh: 10 lượt xe ra vào/ngày

Theo báo cáo nghiên cứu các biện pháp kiểm soát ô nhiễm không khí giao thông đường bộ cho thấy lượng nhiên liệu tiêu thụ trung bình tính chung cho các loại xe gắn máy 2 và 3 bánh là 0,03 lít/km, cho các loại ô tô chạy xăng là 0,15 lít/km và các loại xe ô tô chạy dầu là 0,3 lít/km, xe tải 0,5 lít/km.

Như vậy, nếu chiều dài quãng đường trung bình là 1km thì lượng nhiên liệu cần cung cấp cho hoạt động giao thông có thể được tính toán và trình bày như sau:

Bảng 4.1. Lượng nhiên liệu cần cung cấp cho hoạt động giao thông

STT	Loại xe	Số lượt xe (lượt)	Mức tiêu thụ (lít/km)	Tổng lượng xăng, dầu (lít)
1	Xe mô tô 2 bánh	10	0,03	0,3
2	Xe tải (chạy dầu)	2	0,5	1

Tham khảo tài liệu đánh giá nhanh của Tổ chức y tế thế giới (WHO), năm 1993, hệ số ô nhiễm do khí thải giao thông được trình bày trong bảng sau đây:

Bảng 4.2. Hệ số ô nhiễm do khí thải giao thông

STT	Loại xe	Hệ số ô nhiễm (kg/tấn nhiên liệu)				
		Bụi	SO ₂	NO _x	CO	VOC
1	Xe mô tô 2 bánh	--	20S	8	525	80
2	Xe tải, ô tô (chạy dầu)	3,5	20S	12	18	2,6

(Nguồn: Tổ chức y tế thế giới (WHO), năm 1993)

Dựa vào hệ số ô nhiễm và mức tiêu thụ nhiên liệu của các phương tiện thường xuyên ra vào dự án, tiến hành dự báo tải lượng ô nhiễm do các phương tiện giao thông thải ra trong vực dự án. Tải lượng ô nhiễm được xác định theo công thức sau:

$$L \text{ (g/s)} = \text{khối lượng xăng, dầu DO} \times \text{hệ số ô nhiễm}$$

Khối lượng riêng của dầu là: 0,86 kg/lít

Bảng 4.3. Tải lượng ô nhiễm không khí do các phương tiện giao thông ra vào dự án

STT	Loại xe	Tải lượng ô nhiễm (kg/ngày)				
		Bụi	SO ₂	NO _x	CO	VOC
1	Xe mô tô 2 bánh	--	0,0000025	0,0021	0,135	0,021
2	Xe tải, ô tô (chạy dầu)	0,003	0,0000086	0,01	0,015	0,002

(Nguồn: Tổ chức y tế thế giới (WHO), năm 1993)

Ghi chú:

S = Hàm lượng lưu huỳnh trong dầu DO (0,05 %)

Đốt 1kg dầu ở điều kiện tiêu chuẩn (273 K, 1at) thải ra 12 m³ khí thải⁽¹⁰⁾

Thể tích khí phát sinh do đốt nhiên liệu xấp xỉ là: $V_t = 12.000 \text{ m}^3/\text{tấn nhiên liệu}$.

Lưu lượng khí thải của các phương tiện vận chuyển là:

$$Q_K = (\text{Tổng lượng xăng, dầu/ngày}) \times \text{Thể tích khí thải phát sinh}$$

$$= 12.000\text{m}^3/\text{tấn nhiên liệu} \times (1,3 \text{ lít/ngày} \times 0,86 \text{ kg})/1000 = 13,42 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

- Nồng độ các chất ô nhiễm phát thải được trình bày trong bảng sau:

$$\text{Nồng độ (mg/m}^3\text{)} = [\text{Tải lượng ô nhiễm (kg/ngày)} / \text{Lưu lượng khí thải (m}^3\text{/ngày)}]$$

Bảng 4.4. Nồng độ chất ô nhiễm trong khí thải từ các phương tiện vận chuyển

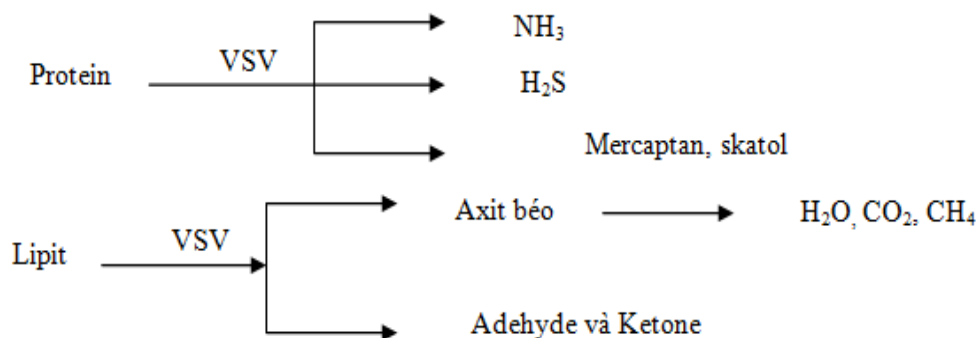
Chất ô nhiễm	Đơn vị	Nồng độ khí thải	QCVN 05:2013/BTNMT
Bụi	mg/m ³	223,5	0,3
SO ₂	mg/m ³	0,006	0,35
NO _x	mg/m ³	901,6	0,2
CO	mg/m ³	11.177	30
VOC	mg/m ³	1.713,8	-

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tính toán, 2023)

Nhận xét: Qua phân tích trên cho thấy, mức độ gia tăng ô nhiễm bụi và khí thải hoạt động giao thông ra vào dự án khá lớn. Tuy nhiên ô nhiễm không khí do giao thông tại Nhà máy không đáng kể do địa bàn dự án rộng, các nguồn ô nhiễm lại phân tán. Chủ dự án cũng sẽ áp dụng các biện pháp quản lý nội vi nhằm hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng do ô nhiễm không khí đến chất lượng môi trường tại khu vực dự án trong giai đoạn này.

- Khí, mùi hôi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi

• **Nguồn phát sinh:** Khí thải phát sinh trong khu vực trại nuôi gà chủ yếu là các khí thải gây mùi hôi như H₂S, NH₃ và các chất gây mùi hôi thối như mercaptan,...từ quá trình phân giải các chất như protein, lipit,.. trong chất thải chăn nuôi bởi các vi sinh vật kỵ khí (*cơ chế như hình sau*). Mùi hôi phát sinh từ hệ thống quạt hút (mỗi chuồng nuôi dự án trang bị 4 quạt hút, công suất 1 quạt hút là 44.700 m³/giờ).



Hoạt động của quạt hút là hút và trao đổi không khí phía trong và bên ngoài các dãy trại nuôi nhằm thông thoáng môi trường không khí phía trong trại nuôi gà. Quá trình hút, trao đổi không khí sẽ hút thải không khí ô nhiễm (mùi hôi) phía trong trại nuôi ra bên ngoài. Mùi hôi có thể theo gió phân tán gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí tại khu vực và khu vực phía bên ngoài dự án.

• **Lưu lượng:** Lượng khí phát sinh tính toán trên một tấn phân ủ theo các điều kiện nhiệt độ khác nhau được trình bày trong bảng:

Bảng 4.5: Hệ số tính toán lượng khí phát sinh

STT	Nhiệt độ (°C)	Khí phát sinh (m ³ /ngày)
1	15	0,165
2	20	0,331
3	25	0,662
4	30	1,103
5	35	0,002

(Nguồn: *Composting - Sanitary Disposal And Reclamation Of Organic Waste, Harold B. Gotaas, WTO*)

Phân gà phát sinh hàng ngày trộn lẫn với lớp trấu lót trang trại, hệ thống xử lý nước thải... phát sinh mùi hôi, khí thải chủ yếu là các khí: NH₃, H₂S và các chất gây mùi hôi thối như mercaptan ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh khu vực dự án.

Đánh giá tác động:

Tác hại của khí H₂S: Khí H₂S là loại khí không màu, có tính độc cao, có mùi hôi khó chịu đặc trưng là mùi trứng thối. Nếu ở nồng độ thấp thì nó gần như vô hại, tuy nhiên, khi có mặt khí H₂S sẽ gây cảm giác khó chịu cho người tiếp xúc bởi mùi thối đặc trưng của nó.

Tác hại của khí NH₃: Nếu hít quá nhiều khí amoniac sẽ bị bỏng đường hô hấp (đau rất họng). Khí amoniac gây ức chế thần kinh tạo nên cảm giác khó chịu cái gắt.

Hô hấp: Ho, đau ngực (nặng), đau thắt ngực, khó thở, thở nhanh, thở khò khè.

Mắt, miệng, họng: chảy nước mắt và đỏ mắt, mù mắt, đau họng nặng, đau miệng, môi.

Tim mạch: nhanh, mạch yếu và sốc.

Thần kinh: lẫn lộn, đi lại khó khăn, chóng mặt, thiếu sự phối hợp, bồn chồn, ngán ngờ.

Da: môi xanh lợt màu, bỏng nếu tiếp xúc lâu.

Dạ dày và đường tiêu hóa: đau dạ dày nghiêm trọng và buồn nôn.

Tuy nhiên, trang trại chăn nuôi gà của Dự án được áp dụng mô hình chăn nuôi tiên tiến với hệ thống trại lạnh khép kín và hoàn toàn tự động, đã được áp dụng nhiều trên cả nước. Các nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường trong trang trại chăn nuôi được giảm thiểu một cách tối đa. Khối lượng phân gà phát sinh hàng ngày trộn lẫn với

lớp trấu lót trại kết hợp men vi sinh vật. Hệ men vi sinh vật có lợi giúp phân giải phân thải, hạn chế khí hôi thối, có mùi hôi; làm hạn chế sự phát triển và tiêu diệt dần sự phát triển của các vi sinh vật có hại, từ đó mùi phân gà sẽ giảm đi đáng kể.

- Khí thải và mùi hôi từ khu vực nhà ủ phân

Khối lượng phân gà thải trong quá trình chăn nuôi phát sinh rất nhiều và do đặc trưng của ngành nghề chăn nuôi gà sẽ tạo ra mùi gây khó chịu, làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và công nhân hoạt động tại trang trại. Mùi hôi có thể theo gió phát tán gây tác động xấu đến chất lượng môi trường phía ngoài khu vực trại chăn nuôi.

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng của dự án.

Nguồn phát sinh: Công ty sẽ đầu tư 01 máy phát điện dự phòng (công suất 150KVA/máy, sử dụng dầu DO). Việc vận hành máy phát điện khi cúp điện sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến môi trường không khí tại trang trại và khu vực xung quanh.

Định mức tiêu thụ nhiên liệu của máy phát điện dự phòng 150KVA trung bình là 32,2 lít dầu DO/giờ.máy, tương đương 28,98 kg/giờ.máy (tỷ trọng dầu DO khoảng 0,9 kg/lít). Lượng khí thải phát sinh khoảng 820,13 m³/máy.giờ (lượng khí thải phát sinh khi đốt 1kg dầu DO khoảng 28,3 m³/kg). Tuy nhiên, khí thải từ máy phát điện dự phòng phát sinh không thường xuyên, chỉ xảy ra khi khu vực nhà máy mất điện. Dựa trên các hệ số tải lượng của tổ chức Y tế thế giới (WHO,1993) để tính tải lượng các chất ô nhiễm như sau:

Bảng 4.6: Tải lượng, nồng độ các chất ô nhiễm của máy phát điện dự phòng

TT	Chất ô nhiễm	Hệ số (kg/tấn) ⁽¹⁾	Tải lượng (kg/h) ⁽²⁾	Nồng độ (mg/Nm ³)	QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B
1	Bụi	0,71	0,02	24,3	200
2	SO ₂	20S	0,03	36,5	500
3	NO _x	9,62	0,27	329,2	850
4	CO	2,19	0,06	73,1	1.000

(Nguồn: ⁽¹⁾ WHO, 1993, ⁽²⁾ tính toán dựa trên hệ số của WHO (1993))

Ghi chú: Hàm lượng lưu huỳnh trong dầu DO là 0,05%.

Nhận xét: Nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải máy phát điện dự phòng đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải QCVN 19:2009/BTNMT cột B. Hơn nữa, đây là nguồn thải không liên tục (chỉ hoạt động khi có sự cố về điện), nên các tác động này không đáng kể. Biện pháp giảm thiểu khí thải từ máy phát điện dự phòng được trình bày tại mục sau.

- Khí thải và mùi hôi từ việc chôn xác gà chết

Trong hoạt động chăn nuôi, gà chết là điều không tránh khỏi, đặc biệt là gà mới nhập trại. Gà chết chiếm tỷ lệ thấp (khoảng 0,5% tổng đàn). Tính toán sơ bộ khoảng 250

con/lứa tương đương 6 con/ngày, trung bình 1 con gà chết nặng 0,3 kg. Dự kiến khối lượng gà chết khoảng 1,8 kg/ngày tương đương 81 kg/lứa.

Xác gà chết tại khu vực dự án do giãm đập nếu không được xử lý kịp thời và đúng cách sẽ phát sinh ra khí thải.

Quá trình chôn xác gà tại hố chôn xác gà trong khu vực dự án chủ dự án sẽ xây dựng hố chôn lấp bê tông có nắp đậy kín để xử lý xác gà chết theo QCVN 01-41:2011/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật. Thành phần khí thải trong quá trình phân hủy xác như: NH_3 , H_2S , CH_4 ... theo gió phân tán gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí tại khu vực dự án.

Đánh giá tác động:

Tác hại của khí H_2S : Khí H_2S là loại khí không màu, có tính độc cao, có mùi hôi khó chịu đặc trưng là mùi trứng thối. Nếu ở nồng độ thấp thì nó gần như vô hại, tuy nhiên, khi có mặt khí H_2S sẽ gây cảm giác khó chịu cho người tiếp xúc bởi mùi thối đặc trưng của nó.

Tác hại của khí NH_3 : Nếu hít quá nhiều khí amoniac sẽ bị bỏng đường hô hấp (đau rát họng). Khí amoniac gây ức chế thần kinh tạo nên cảm giác khó chịu cáu gắt.

Tác hại của khí CH_4 : Khí CH_4 là loại khí không màu, không mùi, không vị, khí CH_4 không độc, tuy nhiên ở nồng độ cao, khí CH_4 có thể gây chết người nếu như bắt lửa.

- Mùi phát sinh từ việc khử trùng, sát khuẩn trang trại

Nguồn phát sinh, thành phần: Trong quá trình nuôi, để phòng ngừa dịch bệnh và ngăn chặn sự lây lan các mầm bệnh cho vật nuôi, chủ dự án sẽ định kỳ khử trùng tổng thể trại nuôi sau khi cho xuất trại và trước khi cho gà con vào nuôi. Trong quá trình phun xịt, một lượng hơi dung môi gồm hóa chất và nước sẽ bốc lên theo gió gây tác động trực tiếp tới sức khỏe công nhân.

Tải lượng: Formol được sử dụng để tiêu độc trại nuôi, dụng cụ và môi trường chăn nuôi. Ước tính lượng thuốc Formol được sử dụng để hàng năm ước tính khoảng 850 lít/lứa nuôi.

Nồng độ các chất này còn tùy thuộc vào tình hình dịch bệnh sát trùng khi chăn nuôi (Danh mục thuốc có thể thay đổi, phù hợp với quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Tác động:

Nếu bị nhiễm formal nặng thông qua đường hô hấp hay đường tiêu hoá các hiện tượng sau đây có thể xảy ra: Viêm loét, hoại tử tế bào, các biểu hiện nôn mửa ra máu, đi ỉa chảy hoặc đại ra máu và có thể gây tử vong trong vài phút do trụy tim mạch, với các triệu chứng khác kèm theo như đau bụng, ói mửa, tím tái. 30ml là liều lượng có thể gây ra chết người.

Hàm lượng formol cao có thể làm suy giảm hệ miễn dịch, thậm chí có thể gây tử vong khi nó chuyển hoá thành axit formic làm tăng axit trong máu, gây thở nhanh và thở gấp, bị hạ nhiệt, hôn mê.

Formol gây đau đầu buồn nôn, bỏng da, hư hại mắt, khó thở... Nếu ngộ độc nặng có thể gây tử vong. Thuốc có thể ngấm qua da hay theo đường hô hấp và ăn uống. Do đó khi sử dụng Formol cần tuân thủ các nguyên tắc an toàn do nhà sản xuất quy định. Tùy thuộc vào tốc độ gió mà hơi của thuốc sẽ phát tán xa hay gần. Ngoài ra, hướng gió thổi cũng sẽ quyết định các vùng chịu ảnh hưởng, như khi sử dụng thuốc các vùng nằm ở cuối hướng gió sẽ bị tác động mạnh hơn rất nhiều. Vì vậy, việc chọn thời điểm phun, an toàn khi dùng Formol là rất quan trọng.

- Ruồi, muỗi, chim, chuột, côn trùng

Ruồi, muỗi, chim, chuột, côn trùng là một nhóm các động vật trung gian truyền bệnh dịch cho vật nuôi, gia súc, gia cầm.

Ruồi, muỗi, côn trùng có tốc độ sinh sản khá nhanh trong môi trường thuận lợi, đặc biệt là những nơi dơ bẩn, có mùi hôi, đọng nước thường xuyên. Môi trường chăn nuôi là một trong các môi trường lý tưởng thúc đẩy sự phát triển mạnh của các loài động vật trung gian truyền bệnh. Đây chính là nguyên nhân gây ra các bệnh truyền nhiễm cho người và gia súc, gia cầm như: tả, lỵ, thương hàn, đường ruột,....

Chim, chuột là loài động vật có khả năng di chuyển mầm bệnh từ nơi này sang nơi khác. Do đó cần có biện pháp hạn chế sự xâm nhập, tiếp xúc của chúng với khu vực chăn nuôi, nguồn thức ăn và nước uống, phân,... trong Trang trại.

Tuy nhiên, hệ thống chuồng trại chăn nuôi được xây dựng rộng thoáng, được trang bị hệ thống thoát nước thải, thoát nước mưa dạng kín. Do đó sẽ hạn chế tối đa sự xâm nhập và phát triển của các loài động vật trung gian truyền bệnh.

B. Tác động đến môi trường nước

- Nước mưa chảy tràn:

Tổng diện tích của trang trại là 10.000 m², trong đó diện tích cây xanh, sân bãi là 7.302 m² và diện tích xây dựng là 2.698 m² được tính theo số lượng mưa trung bình tháng lớn nhất trong năm với hệ số bốc hơi vào mùa mưa là không đáng kể.

• Lưu lượng nước mưa:

Được tính bởi công thức: $Q = a \times q \times S$; Trong đó:

- S: diện tích cây xanh, đất trống = 6.775 m².

- a: hệ số che phủ bề mặt = 0,95.

- q: cường độ mưa = 166,7 x i, với i là lớp nước cao nhất của khu vực vào tháng có lượng mưa lớn nhất (Hoàng Huệ, 1996), tháng 6 và tháng 9 có lượng mưa lớn nhất đo được là 455 mm/tháng (mưa 20 ngày/tháng) i = 0,0002 mm/s.

(Nguồn: Lê Trinh, *Quan trắc và kiểm soát ô nhiễm môi trường nước*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 1997)

Lưu lượng mưa phát sinh: $Q = a \times q \times S = 0,95 \times 166,7 \times 0,00002 \times 10^{-3} \times 6.775 = 0,02 \text{ m}^3/\text{s}$

- **Thành phần, nồng độ:**

Bảng 4.7: Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa

STT	Thông số ô nhiễm	Nồng độ (mg/l)	Tải lượng (g/s)
1	Tổng Nitơ	0,5 ÷ 1,5	0,09 ÷ 0,27
2	Tổng Phospho	0,004 ÷ 0,03	0,00073 ÷ 0,0055
3	COD	10 ÷ 20	1,83 ÷ 3,66
4	Tổng chất rắn lơ lửng	30 ÷ 50	5,50 ÷ 9,17

(Nguồn: Giáo trình cấp thoát nước, Hoàng Huệ)

- **Tác động**

Về cơ bản nước mưa được quy ước là nước sạch và mức độ gây ô nhiễm môi trường là không cao, tại thời điểm xây dựng công trình phần lớn nước mưa sẽ được thấm trực tiếp xuống đất. Sau khi các công trình được xây dựng hoàn thiện và sân bãi, đường nội bộ được trải nhựa sẽ làm giảm khả năng thấm nước.

Ngoài ra, nếu các nguồn gây ô nhiễm khác phát sinh từ hoạt động của dự án không được xử lý theo đúng quy định thì lượng nước mưa chảy tràn trên mặt đất tại khu vực trang trại sẽ cuốn theo các chất ô nhiễm, bụi bẩn và chất rắn lơ lửng xuống đường thoát nước gây ô nhiễm môi trường.

- Nước thải sinh hoạt:

- **Nguồn phát sinh:**

Nước thải sinh hoạt chủ yếu phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tại trang trại (căn cứ theo Mục 3 Tiêu chuẩn xây dựng TCVN 33:2006, mỗi công nhân làm việc tiêu thụ khoảng 120 lít nước/ngày; Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ nước thải sinh hoạt ước tính bằng 100% nước cấp).

- **Lưu lượng phát sinh:**

Với số lượng nhân công hoạt động tại trang trại là 10 người thì tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh ước tính:

$$Q_{sh} = 10 \text{ người} \times 120 \text{ lít/người/ngày} \times 100\% = 1,2 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm.}$$

- **Đánh giá tác động:**

Nước thải sinh hoạt có chứa chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ và các chất dinh dưỡng. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt được tính toán trên cơ sở tải lượng ô nhiễm và lưu lượng nước thải.

Dựa vào hệ số ô nhiễm của nước thải sinh hoạt trong trường hợp chưa qua xử lý theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO, 1993) thống kê đối với một số quốc gia đang phát triển về khối lượng chất ô nhiễm do mỗi người hàng ngày đưa vào môi trường, tải lượng và nồng độ ô nhiễm được tính toán và trình bày trong bảng sau:

Bảng 4.8: Hệ số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt do mỗi người hàng ngày đưa vào môi trường trong giai đoạn hoạt động

TT	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm theo WHO (g/người.ngày)	Tải lượng ô nhiễm (kg/ngày)	Nồng độ (mg/L)	QCVN 14:2008/ BTNMT, cột A
1	BOD ₅	45 – 54	1,125 – 1,35	625 - 750	30
2	COD	72 – 102	1,8 – 2,55	1.000 – 1.416,6	-
3	SS	70 – 145	1,75 – 3,625	972,2 – 2.013,8	50
4	Dầu mỡ ĐTV	6 – 12	0,15 – 0,3	83,3 – 166,6	30
5	Amoni	3,6 – 7,2	0,09 – 0,18	50 - 100	5
6	Tổng P	0,6 – 4,5	0,015 – 0,1125	8,3 – 62,5	6

(Nguồn: Tính toán theo hệ số của Tổ chức Y tế thế giới WHO, 1993)

- **Nước thải chăn nuôi:** Trang trại áp dụng mô hình chăn nuôi sử dụng đệm lót sinh học. Do đó, không sử dụng nước để tắm rửa nên không phát sinh nước thải từ quá trình vệ sinh trang trại. Trên nền đệm lót sinh học lượng phân thải ra được vi sinh phân hủy hết. Do đó, sau mỗi đợt xuất trại, chủ dự án sẽ tiến hành cho công nhân thu gom, tháo dỡ lớp đệm lót lần phân gia cầm đem đi ủ phân, sau đó sử dụng làm phân bón cho cây trồng.

C. Tác động do chất thải rắn

- **Chất thải rắn sinh hoạt:** phát sinh từ quá trình hoạt động tại dự án: nhà vệ sinh, nhà sinh hoạt chung...

✚ **Khối lượng:** Số lượng công nhân tham gia hoạt động trong quá trình vận hành thương mại của trang trại là 10 người, thành phần chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn này chủ yếu là bao bì thải, vỏ chai, lon, thức ăn thừa và các chất thải sinh hoạt thông thường của công nhân ước tính khối lượng phát sinh trong giai đoạn này vào khoảng: 0,5kg/người/ngày (Căn cứ theo tài liệu tham khảo của Tổng cục Thống kê chất thải rắn Việt Nam)

Như vậy, tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại trang trại:

$$0,5 \text{ kg/người/ngày} \times 10 \text{ người} = 5,0 \text{ kg/ngày.đêm}$$

• **Thành phần:** Thức ăn thừa, giấy các loại, kim loại, nhựa, bao bì...

• **Tác động:** Chất thải sinh hoạt phần lớn là có hàm lượng chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học. Đây là môi trường thuận lợi để các vật mang mầm bệnh sinh sôi, phát triển như: Ruồi, muỗi, chuột, gián,... làm mất vệ sinh và mỹ quan Dự án, ảnh hưởng đến sức khỏe của người tiếp xúc trực tiếp với nguồn nhiễm này.

- **Chất thải rắn chăn nuôi (chất thải rắn không nguy hại)**

• **Chủng loại:** phát sinh từ hoạt động của trại chăn nuôi bao gồm: phân gà lẫn trấu sau khi kết thúc 01 lứa nuôi, xác gà chết do giã đập (không do dịch bệnh), bao bì đựng thức ăn.

• Khối lượng chất thải rắn phát sinh

✚ Phân gà trộn lẫn trấu phát sinh trong quá trình làm vệ sinh trại sau mỗi đợt nuôi.

Theo kết quả thống kê tham khảo của Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam, lượng phân gà thải ra trung bình khoảng 15g phân tươi/1kg thịt. Khi trại đi vào hoạt động ổn định, ước tính các lứa gà thịt đồng thời trong trại bao gồm khoảng 47.500 con trọng lượng 0,2-0,8 kg; 47.500 con trọng lượng từ 0,8-1,5 kg; 47.500 con trọng lượng từ 1,5-2,2 kg; 47.500 con trọng lượng từ 2,2-2,8 kg. Lượng phân tươi phát sinh trung bình tại Dự án được tính toán thống kê qua bảng sau:

Bảng 4.9: Bảng tính toán lượng phân gà thải ra hàng ngày tại Dự án

STT	Giai đoạn	Lượng thức ăn cung cấp (g/con/ngày)	Lượng phân phát sinh (g/con/ngày)	Lượng phân phát sinh tại trang trại trong 1 ngày	Lượng phân gà phát sinh tại trang trại
1	Khi nhập trại đến 14 ngày tuổi	54	45	2,25 tấn	31,5 tấn
2	Từ 15 ngày tuổi đến 30 ngày tuổi	90	73	3,65 tấn	54,75 tấn
3	Từ 31 ngày tuổi đến 45 ngày tuổi (xuất trại)	115	94	4,7 tấn	65,8 tấn
Tổng					152,05 tấn/lứa

Căn cứ theo nhu cầu trấu lót sử dụng tại trang trại thì khối lượng trấu thải sau mỗi đợt chăn nuôi là 31,2 tấn/đợt nuôi (lượng trấu thải đầu ra = 100% lượng trấu thải đầu vào).

=> Như vậy, tổng khối lượng chất thải rắn phát sinh tại trang trại là 183,25 tấn/lứa nuôi (bao gồm: trấu thải sau mỗi lứa nuôi là 31,2 tấn và phân gà phát sinh sau mỗi đợt nuôi là 152,05 tấn).


Đánh giá tỷ lệ chất thải theo khối lượng chất thải rắn phát sinh trong mỗi trang trại chăn nuôi như sau: tỷ lệ nước chiếm 56-83%, tỷ lệ chất hữu cơ 1-26%, tỷ lệ nitơ 0,32 - 1,6%, tỷ lệ P 0,25 -1,4%, tỷ lệ K 0,15 - 0,95% và nhiều loại vi khuẩn, virus, trứng giun sán gây bệnh cho con người và động vật.

✚ Xác gà chết trong quá trình chăn nuôi:

Có rất nhiều nguyên nhân khiến gà chết, thường là do nhiệt độ cao vào mùa nắng nóng, ánh sáng gay gắt và gà bị stress nên cắn mổ lẫn nhau, do mật độ nuôi trong trại nuôi quá cao, hoặc do ký sinh trùng kích thích....

Trong hoạt động chăn nuôi, gà chết là điều không tránh khỏi, đặc biệt là gà mới nhập trại. Gà chết chiếm tỷ lệ thấp (khoảng 0,5% tổng đàn). Tính toán sơ bộ khoảng 250 con/lứa tương đương 6 con/ngày, trung bình 1 con gà chết nặng 0,3 kg. Dự kiến khối lượng gà chết khoảng 1,8 kg/ngày tương đương 81 kg/lứa nuôi. Với lượng gà chết này, nếu không được xử lý thì trong quá trình phân hủy xác sẽ gây mùi hôi trong khu vực dự

án và khu vực xung quanh, trên xác gà chết có chứa nhiều vi khuẩn có thể gây hại đến sức khỏe của con người.

 **Bao bì đựng thức ăn**

Tổng khối lượng thức ăn cho gà tại trang trại tại giai đoạn này vào khoảng 185,8 tấn (tùy theo mỗi giai đoạn phát triển của gà mà lượng thức ăn cung cấp cũng khác nhau). Trọng lượng mỗi bao thức ăn khoảng 50kg/bao, như vậy trong suốt quá trình chăn nuôi trang trại cần khoảng 3.716 bao thức ăn, khối lượng riêng của bao thức ăn rỗng là 30g/bao như vậy tổng khối lượng bao bì đựng thức ăn ước tính:

$$3.716 \text{ bao} \times 30\text{g/bao} \approx 0,11 \text{ tấn}$$

Lượng chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn vận hành tại trang trại được thể hiện cụ thể dưới bảng sau:

Bảng 4.10: Danh sách phát sinh chất thải rắn tại trang trại

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng chất thải phát sinh
1	Phân gà trộn vỏ trấu lót chuồng	Rắn	152,05 tấn/lứa
2	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm (gà chết không do dịch bệnh)	Rắn	81 kg/lứa
3	Bao bì đựng thức ăn	Rắn	0,11 tấn/lứa

• **Đánh giá tác động**

Khối lượng chất thải rắn này về tính chất thì không thuộc thành phần nguy hại, nhưng nếu thải bỏ ra môi trường không đúng quy định có thể gây cản trở lối đi gây ra tai nạn lao động, ngoài ra nếu không được xử lý đúng quy định lâu ngày sẽ rất dễ tạo môi trường phát triển cho vi sinh vật gây bệnh.

Lượng chất thải rắn phát sinh nếu không thu gom và xử lý đúng quy định, mà để chúng lẫn lộn với chất thải nguy hại sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường đất, môi trường nước ngầm (ví dụ như: làm bồi lắng nguồn nước ngầm, tăng độ đục và hàm lượng chất rắn lơ lửng trong nước) tại khu vực và tốn rất nhiều kinh phí để xử lý vì hỗn hợp này xem như chất thải nguy hại.

- **Chất thải rắn nguy hại**

• **Thành phần, chủng loại**

Trong quá trình hoạt động của trang trại có phát sinh một số loại chất thải nguy hại thông thường và một số loại chất thải nguy hại theo tiêu chuẩn cơ bản của chăn nuôi cụ thể như sau: bóng đèn huỳnh quang, các loại bao bì, vỏ chai thuốc kháng sinh, kim tiêm phát sinh trong quá trình chăn nuôi.

• **Khối lượng**

Khối lượng CTNH của Dự án phát sinh trong quá trình vận hành như bảng sau:

Bảng 4.11: Danh sách khối lượng chất thải phát sinh

STT	Tên chất thải	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	5	16 01 06
2	Ắc quy chì thải	4	19 06 01
3	Mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất như mực in văn phòng, sách báo) thải	5,5	08 02 06
4	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	8	13 02 01
5	Gia cầm chết (do dịch bệnh)	Không xác định	14 02 01
6	Giẻ lau, vải bị nhiễm các thành phần nguy hại	12	18 02 01
Tổng số lượng		34,5	

• **Đánh giá tác động:**

Các chất thải nguy hại chứa các chất hoặc hợp chất có các đặc tính gây nguy hại trực tiếp và có thể tương tác với các chất khác gây nguy hại tới môi trường và sức khỏe con người. Do đó, nếu không được thu gom và xử lý đúng theo quy định trước khi thải bỏ gây ảnh hưởng rất lớn đến môi trường.

2.1.2. Nguồn tác động không liên quan đến chất thải

a. Tác động do tiếng ồn:

• **Nguồn phát sinh:** Tiếng ồn trong hoạt động của dự án chủ yếu phát sinh từ các nguồn sau:

- + Tiếng ồn từ gà tập trung trong các khu trại nuôi.
- + Tiếng ồn từ hoạt động của máy móc, thiết bị (như: máy phát điện, máy bơm..)
- + Tiếng ồn của các phương tiện vận chuyển thức ăn, vận chuyển gà về hay xuất trại. Đó là tiếng ồn phát ra từ các động cơ và do sự rung động của các bộ phận xe..

+ Ngoài ra, các tiếng ồn từ hoạt động của động cơ và sự rung động của các bộ phận xe, ống xả khói và tiếng ồn phát sinh trong quá trình hoạt động của công nhân cũng là một phần tác động làm ảnh hưởng đến môi trường.

Theo tài liệu thống kê, tiếng ồn sinh ra từ một số phương tiện, sinh hoạt như sau.

Bảng 4.12: Tiêu chuẩn tiếng ồn tại khu vực làm việc trong cơ sở

Thời gian tiếp xúc	Mức ồn cho phép (dBA)
8 giờ	≤ 85
4 giờ	≤ 90

2 giờ	≤ 95
1 giờ	≤ 100
30 phút	≤ 105
15 phút	≤ 110
< 15 phút	≤ 115

Nguồn: Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo Quyết định số 3733/2002/QĐ – BYT

Tiếng ồn cho phép trong môi trường lao động ≤ 85 dBA (TCVSLĐ 3733/2002/QĐ – BYT: Tiêu chuẩn vệ sinh lao động ban hành kèm theo Quyết định số: 3733/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế ngày 10 tháng 10 năm 2002). Việc tiếp xúc thường xuyên với nguồn ồn từ 80dBA trở lên gây ức chế thần kinh trung ương, gây trạng thái mệt mỏi khó chịu và làm giảm năng suất lao động, dễ dẫn đến tai nạn lao động. Theo kết quả giám sát môi trường của các Dự án có loại hình sản xuất tương tự, độ ồn trong trang trại khoảng 75 - 80 dBA.

• **Tác động:**

+ Tiếng ồn từ tiếng gà kêu: mang tính chất thường xuyên và giờ cao điểm của tiếng ồn là vào buổi sáng và lúc cho gà ăn. Thời gian ồn dao động trong khoảng 1 giờ và không liên tục.

+ Từ các thiết bị, máy móc trong trại chủ yếu là máy bơm nước, máy phát điện... Máy dùng động cơ điện do đó tiếng ồn phát sinh là không lớn. Máy chỉ sử dụng khi nguồn điện gặp sự cố, hoạt động không thường xuyên.

+ Ngoài ra, tiếng ồn còn phát sinh từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào Dự án. Các phương tiện vận chuyển trong khu vực Dự án có thể phát sinh độ ồn lên đến 80 - 95 dBA.

b. Tác động của hoạt động dự án tới kinh tế - xã hội trong khu vực:

• **Các tác động tích cực:**

Nguồn sản phẩm tạo ra của trại chăn nuôi là gà thịt, nguồn thực phẩm có giá trị dinh dưỡng và quan trọng trong cuộc sống, mang lợi ích kinh tế lâu dài bền vững cho doanh nghiệp và góp phần phát triển kinh tế đất nước;

Việc chăn nuôi này nhằm khai thác hiệu quả và mang lại nguồn lợi cho chủ dự án;

Dự án phát triển góp phần nâng cao đời sống của người dân địa phương, tạo công ăn việc ổn định cho lượng lao động nhân rỗi tại địa phương. Từ đó, cuộc sống được cải thiện và nâng cao nhu cầu cũng như mức sống của người dân.

• **Các tác động tiêu cực:**

Khi dự án đi vào hoạt động làm tăng mật độ giao thông khu vực do việc tập trung một lượng công nhân, đồng thời làm tăng khả năng tắc nghẽn giao thông nếu không được quan tâm và giải quyết một cách hợp lý.

Làm mật độ dân số tại khu vực gia tăng từ đó dẫn đến các tệ nạn xã hội cũng tăng.

Hoạt động của trang trại còn phát sinh ra các nguồn như: bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn,... Các nguồn ô nhiễm này nếu không được thu gom và xử lý gây tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh.

2.1.3. Đánh giá tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố

a. Sự cố về dịch bệnh

Dịch bệnh có thể xảy ra chủ yếu do nguyên nhân sau:

- + Gà con bị nhiễm bệnh trước khi nhập về.
- + Những người ra vào trang trại chăn nuôi mang mầm bệnh từ nơi khác đến.

Tuy nhiên, giống gà nhập về được kiểm tra rất kỹ nên hạn chế khả năng gà con bị nhiễm bệnh trước khi nhập về. Mặt khác, do chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín nên đàn gà hầu như không bị nhiễm do được cách ly, cửa trại nuôi luôn được đóng kín, các phương tiện ra vào trại phải tuân thủ nghiêm ngặt quy trình khử trùng.

Những người có nguy cơ lây bệnh (tỷ lệ tử vong do dịch bệnh cúm gia cầm gây ra trên con người là rất cao chiếm khoảng 50%), cụ thể:

- + Công nhân trực tiếp chăm sóc cho gia cầm bị nhiễm bệnh và khi tiếp xúc với người xung quanh cũng có nguy cơ lây lan dịch bệnh;
- + Người thu mua, vận chuyển, giết mổ và buôn bán gia cầm nhiễm bệnh;
- + Gia cầm nhiễm bệnh nhưng vẫn giết mổ sử dụng chế biến làm thức ăn, khi con người ăn thịt gia cầm, nguy cơ nhiễm bệnh cao.
- + Cán bộ thú y kiểm tra và xử lý bệnh cúm gia cầm.

Các tác hại trong trường hợp dịch bệnh xảy ra:

- + Thiệt hại nặng nề về kinh tế cho chủ dự án cũng như cho đất nước.
- + Ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng của công nhân viên làm việc trực tiếp trong trại chăn nuôi.
- + Có thể làm lây lan dịch bệnh trên diện rộng nếu không có biện pháp ngăn chặn hiệu quả sự lây lan dịch bệnh.
- + Ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng của công nhân làm việc trực tiếp trong trại chăn nuôi;
- + Có thể làm lây lan dịch bệnh trên diện rộng nếu không có biện pháp ngăn chặn hiệu quả sự lây lan dịch bệnh;
- + Khi dịch bệnh xảy ra trên diện rộng sẽ gây thiệt hại nặng nề cho nền kinh tế (ảnh hưởng đến ngành chăn nuôi, chế biến lương thực – thực phẩm...) và sức khỏe, tính mạng của người dân khu vực xung quanh dự án, đặc biệt nếu xảy ra đại dịch cúm ở người. Trường hợp này có thể làm cho hệ thống y tế bị quá tải do xuất hiện hàng loạt người bị bệnh trong cùng một thời điểm.

b. Ruồi, muỗi, côn trùng

+ Ruồi, muỗi, côn trùng có tốc độ sinh sản khá nhanh trong môi trường thuận lợi, đặc biệt là những nơi dơ bẩn, có mùi hôi. Môi trường chăn nuôi là một trong các môi trường thúc đẩy sự phát triển mạnh của các loài động vật trung gian truyền bệnh. Đây chính là nguyên nhân gây ra các bệnh truyền nhiễm cho người và gia súc, gia cầm như: tả, lỵ, thương hàn, đường ruột,...

+ Tuy nhiên, với hệ thống dẫy trại xây dựng theo mô hình trại lạnh, khép kín nên hạn chế tối đa sự xâm nhập và phát triển của các loài động vật trung gian truyền bệnh.

c. Sự cố cháy nổ

+ Cháy nổ do vận chuyển, lưu trữ và sử dụng nhiên liệu (dầu DO, dầu truyền nhiệt) không an toàn hoặc do điều kiện tự nhiên như thời tiết, sấm sét, nắng nóng.

+ Khả năng cháy do những vật liệu dễ bắt lửa (bao bì, các loại giấy, hóa chất...) để gần các nguồn phát sinh nhiệt hay tia lửa.

+ Khả năng cháy từ sự cố về điện: cháy do dùng điện quá tải, do chập mạch điện, do nối dây không tốt (lỏng, hở)...

+ Cháy nổ do sét: sự cố sét đánh có thể dẫn đến cháy nổ

- **Tác động:** Sự cố gây cháy khi xảy ra có thể dẫn tới các thiệt hại lớn về kinh tế - xã hội và làm ô nhiễm hệ thống sinh thái đất, nước, không khí một cách nghiêm trọng. Hơn nữa còn ảnh hưởng tới tính mạng con người và tài sản của nhân dân trong khu vực.

d. Tai nạn lao động:

+ Bất cẩn của công nhân trong quá trình vận hành máy móc thiết bị. Tình trạng máy móc, thiết bị sử dụng không tốt, bị hư hỏng.

+ Trong quá trình vận hành công nhân không mang thiết bị bảo hộ lao động. Ý thức chấp hành an toàn lao động kém.

+ Tình trạng sức khỏe của công nhân không tốt: ngủ gật trong lúc làm việc, làm việc quá sức gây choáng...

+ Thao tác pha hóa chất không đúng, làm hóa chất dính vào người.

+ Tại hệ thống xử lý nước thải không có thành bảo vệ, không có nắp đậy.

2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

2.2.1. Giảm thiểu các nguồn tác động liên quan đến chất thải

A. Giảm thiểu tác động môi trường không khí:

- Giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải

+ Bụi do các phương tiện vận chuyển trong khuôn viên dự án được khắc phục bằng cách tưới nước sân đường nội bộ;

+ Bố trí lịch vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm ra vào Trang trại một cách hợp lý, tránh cùng lúc nhiều phương tiện vận chuyển vào khuôn viên.

+ Thường xuyên vệ sinh khu vực xung quanh trang trại, đường đi;

+ Trồng cây xanh toàn bộ ở trục đường chính của dự án, trên vỉa hè và những khu vực khoảng lùi để giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của ô nhiễm không khí.

+ Không nổ máy quá lâu trong khu vực dự án, không chờ quá tải

+ Không sử dụng các loại xe vận chuyển đã hết hạn sử dụng. Kiểm tra, bảo hành xe đúng theo quy định của nhà sản xuất.

- Giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ quá trình chăn nuôi

Mùi phát sinh từ khu vực trang trại bao gồm khí NH₃, H₂S. Để hạn chế sự phát sinh khí NH₃, H₂S đến mức thấp nhất có thể được, chủ trang trại phải áp dụng các biện pháp sau:

Trang trại áp dụng chăn nuôi theo phương pháp trại lạnh khép kín và tự động kiểm soát nguồn thức ăn, nước uống nên có thể hạn chế được sự phát tán mùi phát sinh trong quá trình chăn nuôi và được sự hướng dẫn của đơn vị cung cấp con giống ngay từ giai đoạn thiết kế, xây dựng.

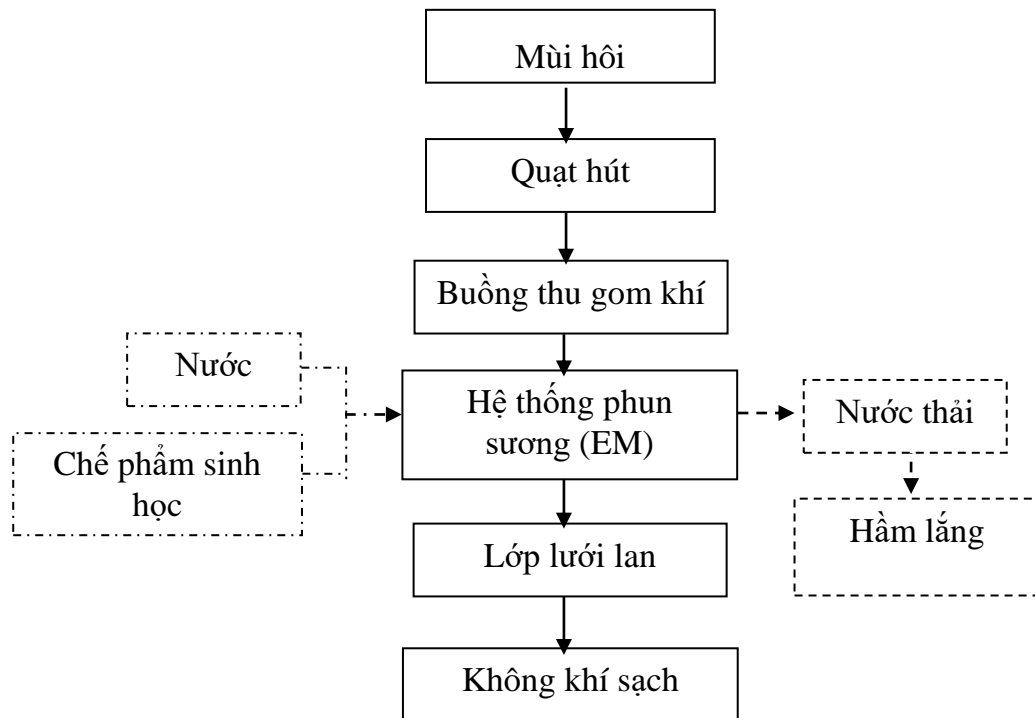
Bố trí các quạt hút và hệ thống làm mát trong mỗi dãy trại nuôi nhằm thông thoáng cho trại nuôi và trang trại. Phía sau mỗi dãy trại sẽ được lắp đặt 4 quạt hút/01 dãy chuồng, lắp đặt 32 quạt hút cho 8 dãy chuồng nuôi (công suất 1 quạt hút là 44.700 m³/h), tổng cộng dự án trang bị 32 quạt hút.

Thông số cơ bản:

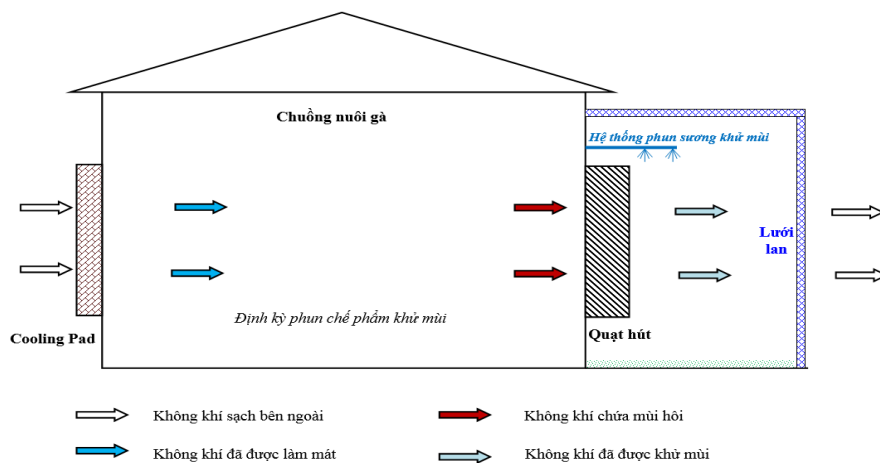
- Công suất: 1.5HP, 3 pha, 400V, 50Hz
- Kích thước: 1300 x 1300mm
- Khung quạt: làm bằng thép không gỉ, dày 1.8mm phủ kẽm với độ mạ 290g/m², tăng cường khả năng chống gỉ sét.
- Cánh quạt: làm từ polipropilen kết hợp sợi thủy tinh.
- Tốc độ vòng quay (0 Pa – 0 in H₂O): 1.410 RPM
- Tốc độ gió (0 Pa – 0 in H₂O): 44.700m³/h – 50Pa

Mùi hôi và khí thải sẽ được thu gom ra ngoài bằng các quạt hút theo hướng cuối mỗi dãy trại nuôi, chủ dự án bố trí hệ thống thu gom khí thải, mùi hôi phía sau quạt hút.

Sơ đồ hệ thống xử lý mùi hôi tại trại chăn nuôi như sau:



Hình 4.1: Sơ đồ hệ thống xử lý khí thải và mùi hôi tại trang trại



Hình 4.2: Hình ảnh minh họa hệ thống phun sương kết hợp lưới lan

Thuyết minh quy trình:

Lắp đặt hệ thống quạt hút không khí sau mỗi dãy trại nuôi để xử lý mùi hôi phát sinh tại trang trại. Phía sau hệ thống quạt hút được thiết kế buồng chắn (3 vách) cao hơn quạt hút với kết cấu khung thép. Trên vách tường sẽ gắn tấm đệm vi sinh bằng vật liệu mút xốp để tạo điều kiện cho vi sinh bám dính. Vách chắn này nhằm tạo điều kiện cho không khí sau quạt hút ra ngoài và vào vách chắn và chuyển động theo phương thẳng đứng phát tán lên cao. Phía trên buồng chắn chủ dự lắp đặt hệ thống phun sương bằng chế phẩm vi sinh khử mùi hôi EM và gắn 1 lớp lưới lan nhằm giảm thiểu nồng độ mùi

hôi, bụi phát tán ảnh hưởng đến dân cư xung quanh trang trại, bảo đảm đạt QCVN 06:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh. Nước thải từ hệ thống phun sương được thu gom, chảy theo hệ thống mương dẫn đến hầm lắng để xử lý. Ngoài ra trang trại áp dụng các biện pháp giảm thiểu cụ thể như:

- + Phun thuốc sát trùng xung quanh trại chăn nuôi định kỳ 01 lần/tuần.
- + Trang trại luôn được đảm bảo khô thoáng, nhiệt độ, độ ẩm thích hợp nên giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ quá trình phân giải chất thải trong khu vực trại nuôi.
- + Bổ sung thêm men vi sinh trộn vào thức ăn cho gà để phân gà thải ra giảm thiểu được mùi hôi và quá trình phân hủy tốt hơn.

Ngoài ra, Chủ dự án áp dụng các biện pháp giảm thiểu mùi hôi, khí thải trong quá trình chăn nuôi như sau:

- + Xịt chế phẩm EM theo các đường mương dẫn chất thải ngày 1 lần để giảm thiểu mùi hôi. Phun thuốc sát trùng xung quanh trại chăn nuôi định kỳ 01 lần/tuần
- + Xây dựng tường rào bao quanh dự án;
- + Thường xuyên phun nước giảm bụi trên tuyến đường nội bộ ra vào trại vào những ngày nắng nóng.
- + Thường xuyên dọn dẹp trại nuôi không gây phát sinh mùi hôi.
- + Đảm bảo cung cấp đủ lượng rác hữu cơ hoặc trấu để giúp gắn kết nitơ và ngăn chặn amoniac thoát ra ngoài.

- Giảm thiểu ô nhiễm không khí từ máy phát điện:

Để đảm bảo về mặt môi trường, chủ đầu tư chủ động lựa chọn các loại nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh và cặn carbon thấp để sử dụng cho máy phát điện. Cụ thể như:

- + Hàm lượng lưu huỳnh trong nhiên liệu sử dụng không vượt quá 1%;
- + Hàm lượng carbon không vượt quá 76%;

Với tiêu chí như trên thì trang trại sử dụng dầu DO có bổ sung một số chất phụ gia giúp hạn chế nguồn ô nhiễm từ hoạt động của máy phát điện. Bên cạnh đó, để giảm thiểu đến mức thấp nhất các hoạt động từ khí thải phát sinh khi máy phát điện hoạt động, chủ dự án sẽ lắp đặt thêm ống khói để chủ động phát tán lượng khí thải phát sinh này (công dụng của ống khói là nâng cao điểm phát tán của dòng khói thải, qua đó nâng cao tốc độ phát tán cũng như phạm vi phát tán của dòng khí này). Dưới sự xáo trộn mạnh của dòng khí thải trên cao và dòng khí được lan truyền xa hơn, nồng độ khí thải tại khu vực gần dự án trở nên vô cùng loãng.

Việc lựa chọn hình thức phát tán này là hoàn toàn hợp lý do đây là nguồn thải không thường xuyên và có lưu lượng khí thải thoát ra rất nhỏ. Khí thải sau máy phát điện dự phòng đáp ứng đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Giảm thiểu mùi hôi từ quá trình ủ phân

Để giảm thiểu mùi, khí thải phát sinh từ nhà ủ phân, chủ dự án thực hiện biện pháp giảm thiểu sau:

- Thường xuyên làm sạch phần nền trong và xung quanh khu vực nhà ủ phân, kiểm soát nhiệt độ, độ ẩm trong nhà ủ phân.

- Phun chế phẩm EM xung quanh khu vực nhà ủ phân (tần suất 3 ngày/lần) để giảm thiểu mùi hôi. Giữ không khí trong dây trại thoáng mát giúp phân tán mùi hôi. Phân không được lưu chứa lâu để tránh ảnh hưởng mùi hôi đến môi trường không khí xung quanh.

- Nhà ủ phân phải được thiết kế xây dựng đúng quy định, nền cao ít nhất 30cm, có mái che, có cửa ra vào, bố trí rãnh thoát nước xung quanh. Bên trong nhà ủ phân lắp đặt quạt thông gió để làm thông thoáng khí.

- Lớp đệm lót sinh học sau mỗi lứa nuôi được công nhân thu gom và tập kết vào nhà ủ phân, sau đó sẽ bán cho các hộ dân lân cận hoặc đơn vị có nhu cầu sử dụng làm phân bón.

- Giảm thiểu khí thải và mùi hôi từ việc chôn xác gà chết

Số lượng gà chết trong quá trình hoạt động tại dự án (chết do giã mổ) là 0,5% trên 1 lứa nuôi khoảng 250 con tương đương 81 kg/lứa, được thu gom và đem đi xử lý hợp vệ sinh tại hố chôn lấp bê tông có nắp đậy kín theo đúng quy định theo QCVN 01-41:2011/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

Địa điểm đào hố chôn lấp xác gà đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường xung quanh, ở cuối khu nuôi và cuối hướng gió chính, không ở vùng ngập nước hoặc có mực nước ngầm nông. Chủ dự án xây dựng 1 hố chôn xác gà, mỗi hố có chiều rộng 1,5m, chiều dài 2m, chiều sâu 1,2m. Xây hố chôn bằng bê tông, phía dưới có lớp đệm và thoát nước; không rải vôi chỉ rải chất đệm trại và men vi sinh, vôi chỉ rải trên tấm đan bê mặt. Tại đáy hầm chứa có rãnh thu nước rỉ xác. Khi hố thu gom đầy, sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và đem đi xử lý theo đúng quy định.

Khi phát sinh gà chết không phải do bệnh tật, xác gà được đưa xuống hố chôn, rắc vôi bột khử trùng ($0,8 - 1,0 \text{ kg/m}^2$) và đậy nắp bê tông kín miệng hầm. Phía ngoài khu vực hố chôn, cách khoảng 1m, tạo rãnh rộng 20 cm, sâu 20 cm dẫn nước mưa thoát ra ngoài, tránh ứ đọng nước quanh hầm chứa. Trên bề mặt khu vực hố chôn, rắc vôi bột với lượng $0,8 \text{ kg/m}^2$. Khu vực hố chôn xác gà được kiểm tra thường xuyên 1 tuần/lần.

- Giảm thiểu ô nhiễm mùi hôi từ phun thuốc khử trùng, sát khuẩn

Đối với mùi hôi của thuốc phát sinh từ kho chứa thuốc, từ quá trình sử dụng thuốc khử trùng Formol. Dự án thực hiện một số biện pháp giảm thiểu như sau:

- + Kho chứa thuốc được xây dựng riêng tách biệt, vững chắc bằng vật liệu tốt;
- + Đảm bảo các điều kiện kỹ thuật về lưu trữ, bảo quản thuốc an toàn tại Dự án;
- + Lắp đặt các biển hướng dẫn, biển cảnh báo an toàn tại khu vực kho chứa thuốc;
- + Trang bị bảo hộ lao động khi pha chế và phun thuốc. Sau khi phun thuốc phải thay quần áo và giặt sạch.

- + Không sử dụng bình phun bị rò rỉ và rửa sạch bình sau khi phun thuốc.
- + Không phun ngược chiều gió và tránh để thuốc tiếp xúc với tất cả bộ phận của cơ thể.

- Biện pháp giảm thiểu ruồi, muỗi

- + Dụng cụ chăn nuôi và vệ sinh chỉ dùng riêng cho từng dãy trại nuôi, cọ rửa và phơi khô sau khi sử dụng.
- + Xử lý ngay xác những con vật chết ngay trong ngày, vì đây là môi trường để ruồi phát triển.
- + Sử dụng biện pháp hóa học bằng cách phun thuốc diệt côn trùng ở các vách hoặc tường.
- + Trường hợp trâu lốt lẫn phân gà sau khi kết thúc mỗi lứa nuôi xuất bán không kịp, chủ dự án để vào kho chứa có mái che và phun chế phẩm khử mùi EM, đồng thời bán cho đơn vị khác có nhu cầu làm phân bón. Không để ứ đọng làm thu hút các loại côn trùng gây hại và phát sinh mùi hôi đến môi trường xung quanh.

B. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước:

➤ Công trình thu gom nước mưa:

Nước mưa chảy tràn trên mặt đường trong khu vực dự án có lưu lượng phụ thuộc vào chế độ mưa trong khu vực. Lượng nước mưa này thường có nồng độ chất lơ lửng tương đối cao. Tuy nhiên, mức độ gây ô nhiễm từ lượng nước này không nhiều, ngoài ra mặt bằng tại trang trại đã được bê tông hóa và có hệ thống rãnh thoát nước mưa dọc theo hai bên trại nuôi.

Hệ thống máng xối của trại nuôi được nối từ mái xuống đất và tiếp dẫn nước mưa vào các hố thu nước, tuy nhiên lượng nước mưa chảy tràn có hàm lượng chất ô nhiễm không đáng kể.

Rác và bùn cát đất lắng được nạo vét thường xuyên.

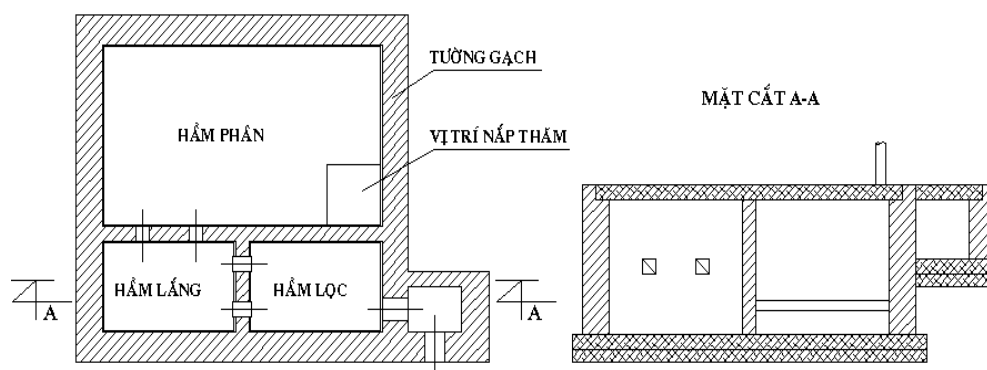
Ngoài ra để phòng ngừa ngập úng, chủ dự án tiến hành trồng cây xanh xung quanh khu đất dự án, giúp cho việc thấm nước mưa được nhanh chóng.

➤ Công trình thu gom, thoát nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

Công nhân hoạt động tại dự án là 10 người, tổng lượng thải sinh hoạt ước tính khoảng 1,2 m³/ngày.đêm. Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn, có ngăn lọc và hầm tự hoại.

Xây dựng 1 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 4,5m³ để xử lý nước thải sinh hoạt. Cấu tạo bể tự hoại được trình bày trong hình sau:



Hình 4.3: Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

Nguyên lý hoạt động:

Bể tự hoại có 3 ngăn có hình khối chữ nhật là công trình đồng thời làm hai chức năng: lắng và phân hủy cặn lắng. Bể còn có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy. Bể có chức năng lắng và phân hủy cặn với hiệu suất xử lý 80 – 85%. Tại đây chất rắn được giữ lại trong bể 90%, dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Sau khi qua bể tự hoại nồng độ các chất hữu cơ còn lại trong nước thải khoảng 20 - 30% riêng các chất lơ lửng hầu như được giữ lại hoàn toàn. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn, định kỳ thuê đơn vị hút hầm cầu đến hút và vận chuyển đến nơi xử lý đúng quy định.

- **Nước thải chăn nuôi:** Trang trại áp dụng mô hình chăn nuôi sử dụng đệm lót sinh học. Do đó, không sử dụng nước để tắm rửa nên không phát sinh nước thải từ quá trình vệ sinh trang trại. Trên nền đệm lót sinh học lượng phân thải ra được vi sinh phân hủy hết. Do đó, sau mỗi đợt xuất trại, chủ dự án sẽ tiến hành cho công nhân thu gom, tháo dỡ lớp đệm lót lần phân gia cầm đem đi ủ phân, sau đó sử dụng làm phân bón cho cây trồng.

C. Biện pháp giảm thiểu do chất thải rắn:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

Rác thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân khoảng 5 kg/ngày, chủ dự án sẽ bố trí các thùng rác loại 10 – 20 lít tại các khu vực cố định trong khu vực trang trại để thu gom rác và 1 thùng rác nhựa 240 lít có nắp đậy tại khu vực tập trung CTR sinh hoạt của Dự án. Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

Chất thải rắn sẽ được thu gom trong từng hạng mục công trình và được công nhân vận chuyển về điểm tập kết chất thải của trang trại. Tại điểm tập kết chất thải, các thành phần chất thải có thể tái sử dụng như giấy vụn, kim loại, chai nhựa... sẽ được thu gom và bán phế liệu.

Các loại CTR này sẽ được thu gom vào cuối ngày và đưa về tập trung tại khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom

CTR sinh hoạt. Lượng CTR sinh hoạt phát sinh luôn được thu gom triệt để, vận chuyển xử lý thường xuyên (2 ngày 1 lần), không xảy ra tình trạng chất thải để lâu, bốc mùi hôi thối làm mất mỹ quan.

- Chất thải rắn chăn nuôi (chất thải rắn không nguy hại)

Đối với phân gia cầm lẫn trấu từ đệm lót sinh học sẽ được thu gom định kỳ đem đi ủ phân sinh học bón cho cây trồng. Do đó, chất thải rắn phát sinh chủ yếu từ bao bì đựng thức ăn, chai lọ không nhiễm thành phần nguy hại.

Đối với bao bì đựng thức ăn chăn nuôi được thu gom lại và bán cho đơn vị có nhu cầu hoặc có thể sử dụng bao bì để chứa phân.

Đối với chai lọ không nhiễm thành phần nguy hại được thu gom bán cho đơn vị thu mua phế liệu.

- *Đối với gà chết do giảm đập:* Trại thường xuyên được khử trùng, gà được tiêm ngừa phòng bệnh định kỳ nên lượng gà chết tương đối ít. Lượng gà chết do giảm đập (không phải do bệnh tật) sẽ được công nhân tại Trại chăn nuôi thu gom và xử lý tại hố chôn xác gà có nắp đậy kín.

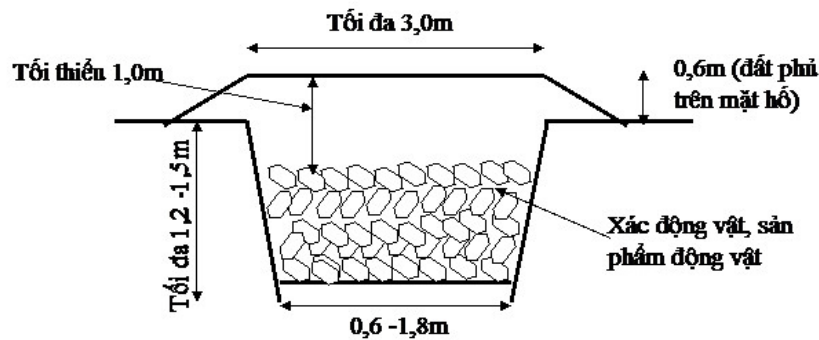
. Chủ dự án xây dựng 1 hố chôn xác gà có chiều rộng 2m, chiều dài 1,5m, chiều sâu 1,2m. Xây hố chôn bằng bê tông, phía dưới có lớp độn và thoát nước; không rải vôi chỉ rải chất độn trại và men vi sinh, vôi chỉ rải trên tấm đan bề mặt. Tại đáy hầm chứa có rãnh thu nước rỉ xác. Khi hố thu gom đầy, sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và đem đi xử lý theo đúng quy định.

Khi phát sinh gà chết không phải do bệnh tật, xác gà được đưa xuống hố chôn, rắc vôi bột khử trùng ($0,8 - 1,0 \text{ kg/m}^2$) và đậy nắp bê tông kín miệng hầm. Phía ngoài khu vực hố chôn, cách khoảng 1m, tạo rãnh rộng 20 cm, sâu 20 cm dẫn nước mưa thoát ra ngoài, tránh ứ đọng nước quanh hầm chứa. Trên bề mặt khu vực hố chôn, rắc vôi bột với lượng $0,8 \text{ kg/m}^2$. Khu vực hố chôn xác gà được kiểm tra thường xuyên 1 tuần/lần.

- Đối với gà chết do dịch bệnh:

Gà chết được thu gom và đem đi tiêu hủy tại chỗ. Việc tiêu hủy càng sớm càng tốt để hạn chế tối đa cơ hội phát tán của mầm bệnh. Việc tiêu hủy gà chết đảm bảo theo đúng quy định tại QCVN 01-41:2011/BNNPTNT–Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

+ Về thiết kế khu đất dự phòng xử lý chôn lấp gà chết do dịch bệnh: khu đất dự phòng xử lý chôn lấp được bố trí không ở vùng ngập nước hoặc có mực nước ngầm nông, khu vực chôn lấp nằm cuối hướng gió chính, chôn gần khu vực nhiều cây xanh để quá trình vô cơ hóa diễn ra nhanh chóng, hạn chế ô nhiễm môi trường, cách trại nuôi gần nhất không nhỏ hơn 30 mét. Mô hình mặt cắt hố chôn đảm bảo tiêu chuẩn sau:



+ Các bước tiến hành chôn lấp gà chết do dịch bệnh:

Bước 1. Khi việc đào hố hoàn tất, cho phân rác, chất độn chuồng xuống đáy hố.

Bước 2. Xếp xác động vật và sản phẩm động vật cần tiêu hủy xuống đáy hố

Bước 3. Rải một lớp phân rác lên trên đồng xác.

- Có thể rắc một lớp vôi bột ($0,8 - 1\text{kg}/\text{m}^2$) lớp trên cùng đồng xác;
- Tuyệt đối không dùng dầu hay xăng để đốt trước khi lấp đất.

Bước 4. Lấp đất cho bằng miệng hố và nén chặt.

Bước 5. Tiếp tục

- Đắp thêm đất ở trên miệng hố theo hình chóp cụt với chiều cao khoảng 0,6 - 1m và rộng ra xung quanh miệng hố 0,3 - 0,4m để tránh nước mưa chảy vào hố chôn.
- Có thể dùng nước để làm ẩm lớp đất phía trên cho dễ thao tác.
- Trọng lượng của khối đất phía trên có tác dụng ngăn chặn thú ăn thịt đào xác và giúp cho việc khử mùi, hấp thụ nước bẩn tạo ra do phân hủy.

Bước 6. Phía ngoài khu vực hố chôn, cách khoảng 1m, tạo một rãnh nước với kích thước: rộng 20 - 30cm và sâu 20 - 25 cm, có tác dụng dẫn nước mưa ra thoát ra ngoài, tránh ứ đọng nước quanh hố chôn.

Bước 7. Trên bề mặt hố chôn, rắc vôi bột với lượng $0,8\text{kg}/\text{m}^2$, hoặc phun dung dịch chlorine nồng độ 2%, với lượng 0,2 - 0,25 lít/ m^2 để diệt mầm bệnh phát tán trong quá trình thao tác .

Bước 8. Sau khi hoàn tất việc chôn, phải đặt biển cảnh báo khu vực chôn lấp, cử người quản lý hố chôn trong 1-2 ngày đầu để tránh việc đào bới lấy xác gây hậu quả nguy hiểm, hạn chế sự qua lại của người hay vật nuôi quanh khu vực chôn lấp.

- Chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ dự án bao gồm: bóng đèn hư hỏng, giẻ lau dính dầu, cặn dầu nhớt, chai, lọ, kim tiêm vaccine, bao bì đựng thuốc sát trùng.

DVTV: Công ty TNHH MTV SXTM & DV Môi trường Khang Thịnh

Địa chỉ: số 27, Nguyễn Thị Minh Khai, KP4, Phường 2, TP.Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: 02763.630.631 – Hotline: 0909.879.587

Dự án xây dựng kho lưu chứa CTNH với diện tích 20 m². Nhà kho được xây tường gạch bao quanh, mái che bằng tôn; nền bê tông, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có khay hứng chất thải lỏng rơi vãi, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều. Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

CTNH được thu gom, lưu trữ trong các thùng nhựa, đậy kín, không bị hư hỏng, đổ vỡ. Trước khi vận chuyển, bao bì, thùng chứa đựng CTNH được dán nhãn theo đúng quy định. Điều kiện đóng gói và kiểm soát CTNH đáp ứng yêu cầu kỹ thuật như quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

Đối với gà chết do bệnh tật, dịch bệnh: Khi phát hiện dịch bệnh, chủ trại chăn nuôi áp dụng các biện pháp sau để khắc phục:

- Báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thú y cấp huyện và tỉnh. Các cơ quan này xuống lấy mẫu xét nghiệm để tìm ra nguyên nhân gây bệnh và đưa ra các biện pháp tiêu hủy, phòng dịch bệnh thích hợp.
- Cách ly gà bị bệnh ra để theo dõi, tổng sát trùng nhằm giảm thiểu dịch bệnh lây lan. Tiêm ngừa phòng bệnh cho các gà còn lại nhốt chung trại với gà bị bệnh (sau khi đã cách ly gà bệnh).
- Bố trí khu vực đất dự phòng chôn lấp diện tích 500 m² phòng trừ trường hợp tiêu hủy hàng loạt do dịch bệnh lây lan đúng theo QCVN 01-41: 2011/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

2.2.2. Giảm thiểu các nguồn tác động không liên quan đến chất thải

a. Biện pháp khống chế ô nhiễm tiếng ồn, rung

Trại nuôi gà được bố trí xa khu dân cư, ngoài ra còn được cách ly bằng cây xanh do đó, âm thanh phát ra từ khu vực trại nuôi ảnh hưởng không đáng kể đến khu vực dân cư xung quanh.

Trong quá trình hoạt động, tiếng ồn phát sinh chủ yếu là tiếng kêu của gà, tiếng động cơ phát sinh từ các phương tiện vận chuyển ra vào khu vực dự án, tiếng ồn từ máy phát điện và quạt thông gió. Trong số các nguồn phát sinh trên, thì tiếng kêu của gà là nguồn phát sinh làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh nghiêm trọng nhất.

Đối với tiếng ồn phát sinh do sự hoạt động của các phương tiện vận chuyển ra vào khu vực dự án, chủ đầu tư bố trí cho các phương tiện lưu thông ra vào dự án một cách thích hợp nhất, nhằm giảm ảnh hưởng của tiếng ồn phát sinh ảnh hưởng đến môi trường.

Đối với độ ồn của máy phát điện thì đây là nguồn phát sinh không đáng kể do thời gian hoạt động của thiết bị này rất ngắn và không thường xuyên.

Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; bố trí khoảng cách, trồng cây xanh theo hướng gió thịnh hành; các máy móc, thiết bị phục vụ chăn nuôi được bảo trì bảo dưỡng định kỳ (tra dầu, mỡ, vệ sinh), thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phớt.

Ngoài ra, khu vực xung quanh trang trại phải có tường bao quanh, độ cao tối thiểu 2m so với mặt đất. Chất lượng không khí và tiếng ồn phát sinh tại trang trại chăn nuôi phải được xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

b. An toàn giao thông, an ninh trật tự khu vực:

Để bảo vệ tình hình trật tự vệ sinh môi trường cho khu vực trang trại và khu vực xung quanh, chủ đầu tư sẽ triển khai các phương án sau:

- + Tuyển chọn bảo vệ để trực 24/24 giờ, kiểm soát những người ra vào trang trại chặt chẽ;
- + Kết hợp với công an khu vực để đề ra các biện pháp an ninh trật tự trong khu vực;
- + Đề ra các nội quy về an ninh trật tự trong khu vực, xây dựng nếp sống văn hóa mới, bài trừ tội phạm ma túy, các sản phẩm văn hóa đồi trụy, mê tín dị đoan tại khu vực.
- + Thường xuyên nhắc nhở công nhân chấp hành luật khi tham gia giao thông;
- + Điều tiết lưu lượng xe vận chuyển ra khu vực và di chuyển trên các tuyến đường một cách hợp lý, tránh những thời gian cao điểm là giờ đi làm và tan ca của công nhân.

2.2.3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn vận hành khai thác dự án

a. Sự cố dịch bệnh

Sự cố lớn nhất mà trại chăn nuôi gia cầm có thể gặp phải là dịch cúm gia cầm. Trong trường hợp dịch cúm chưa ảnh hưởng đến trang trại thì những biện pháp sau cần được nghiêm ngặt thực hiện:

- + Tăng cường chế độ dinh dưỡng cho gia cầm nhằm tạo sức đề kháng cho cơ thể là mạnh nhất.
- + Thực hiện chế độ khử trùng triệt để đối với các thiết bị và phương tiện ra vào khu vực dự án.
- + Quy trình tiêm chủng các loại vaccine phải được thực hiện đầy đủ, đúng liều, đúng lượng theo đúng hướng dẫn của bác sĩ thú y.
- + Sát trùng tất cả các loại vật dụng đem vào khu vực chăn nuôi cũng như hạn chế lượt người ra vào khu vực sản xuất đến mức tối đa.

+ Cập nhật thông tin khi ổ dịch lan rộng và tuân thủ mọi hướng dẫn của cơ quan chức năng.

Trường hợp trại chăn nuôi gặp phải sự cố về dịch cúm, chủ dự án cần thực hiện theo các hướng dẫn sau:

+ Đối với những bệnh thông thường có thể xử lý được: cách ly ngay khu vực xảy ra bệnh. Tăng cường phun thuốc sát trùng, vệ sinh trang trại và khu vực xung quanh

+ Khi xác định là dịch bệnh nguy hiểm, bệnh lây sang người: Nhanh chóng thực hiện công tác cách ly, tiêu hủy tại chỗ với xử lý đối với từng trường hợp cụ thể.

+ Áp dụng biện pháp cách ly tại chỗ, can thiệp thuốc phòng chống, không bán chạy, không giết mổ làm lây lan dịch ra ngoài. Cán bộ, công nhân làm việc làm việc trong khu vực có dịch phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của nhà nước về vùng có dịch.

+ Cán bộ kỹ thuật chăm sóc gà bệnh, sử dụng riêng dụng cụ, thức ăn; hạn chế lưu thông gà; vệ sinh, khử trùng tiêu độc trại, dụng cụ chăn nuôi, dụng cụ thú y, phương tiện vận chuyển... → Đối với dịch bệnh lây lan cần tiêu hủy, xử lý tại chỗ tránh lây lan dịch bệnh tới các khu vực khác.

+ Báo cáo UBND cùng cấp, để thực hiện các biện pháp phòng, chống bệnh dịch đối với khu vực.

+ Đối với đàn gà đã khỏi bệnh (vẫn còn mang vi trùng) để nuôi tại chỗ và sau đó giải thể theo hướng dẫn của các cơ quan chức năng. Không bán gà cho các trại khác nuôi và không nhận gà mới về trại nuôi khi chưa hết dịch.

+ Phải tổng vệ sinh, sát trùng cẩn thận, chuẩn bị trại nuôi đúng yêu cầu trước khi nhận lứa gà mới về nuôi.

+ Gà chết được thu gom và đem đi tiêu hủy tại chỗ. Việc tiêu hủy càng sớm càng tốt để hạn chế tối đa cơ hội phát tán của mầm bệnh. Khi phát sinh dịch không được vận chuyển gà bệnh ra khỏi trại nuôi. Do đó, tại trang trại sẽ có đất dự phòng chôn lấp với diện tích 500m² để ứng phó khi dịch bệnh xảy ra. Việc tiêu hủy gà chết đảm bảo theo đúng quy định tại QCVN 01-41:2011/BNNPTNT–Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

d. Biện pháp giảm thiểu sự cố cháy nổ

+ Cháy nổ là sự cố phổ biến và rất dễ xảy ra. Nếu để xảy ra sự cố cháy nổ thì thiệt hại sẽ không thể lường hết. Nắm được vấn đề này, chủ dự án đã có kế hoạch bố trí nhân lực và đầu tư trang thiết bị cho công tác phòng cháy chữa cháy như bố trí các họng nước, các thiết bị chữa cháy cầm tay, xe bồn cứu hỏa...

+ Tiến hành các biện pháp vệ sinh công nghiệp chặt chẽ trong các phân xưởng sản xuất.

+ Công nhân trực tiếp làm việc tại trang trại sẽ được tập huấn, hướng dẫn phương pháp phòng chống cháy nổ.

+ Hạn chế lưu trữ các loại nhiên liệu dễ bốc cháy. Trường hợp phải lưu trữ các loại dung môi và nhiên liệu dễ cháy sẽ được lưu trữ tại các kho cách ly riêng biệt, tránh xa nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện.

+ Trang trại sẽ có các trang thiết bị chống cháy nổ, nhằm chữa kịp thời khi sự cố xảy ra. Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn chặn, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

+ Nâng cao ý thức của công nhân tại trang trại, bố trí khu vực hút thuốc riêng biệt cho công nhân trong giờ giải lao.

+ Ban hành các nội quy và treo bảng an toàn nổ, cấm lửa, trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy tại công trường và nơi lưu trữ nhiên liệu.

e. Biện pháp an toàn lao động

+ Quy định các nội quy làm việc tại nhà máy, bao gồm nội quy ra, vào làm việc; nội quy về trang phục bảo hộ lao động; nội quy về an toàn điện; nội quy an toàn giao thông; nội quy an toàn cháy nổ...

+ Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các nội quy cho công nhân bằng nhiều hình thức khác nhau.

+ Tổ chức theo dõi tai nạn lao động, xác định kịp thời nguyên nhân tai nạn và áp dụng các biện pháp khắc phục kịp thời nhằm tránh xảy ra tai nạn tương tự.

+ Cung cấp đầy đủ và đúng chủng loại các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.

+ Tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc.

g. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố các công trình bảo vệ môi trường

➤ Đối với sự cố hệ thống xử lý bụi, mùi hôi

+ Chủ Dự án bố trí nhân viên thường xuyên kiểm tra việc vận hành của hệ thống xử lý mùi hôi.

+ Yêu cầu đối với cán bộ vận hành trong trường hợp sự cố thường gặp: phải lập tức báo cáo cấp trên khi có sự cố xảy ra và tiến hành giải quyết các sự cố. Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì tìm cách báo cáo cho cấp trên để nhận sự chỉ đạo trực tiếp.

+ Viết báo cáo sự cố và lưu hồ sơ.

+ Định kỳ quan trắc môi trường để đánh giá hiệu quả của công trình bảo vệ môi trường

+ Đào tạo các kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các hệ thống điện, hệ thống quạt hút thoát khí thải cho nhân viên vận hành.

- + Hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện, hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản.
- + Trường hợp sự cố mất điện lưới, Công ty tiến hành vận hành máy phát điện dự phòng để cung cấp điện tạm thời giúp duy trì hoạt động quạt hút và các thiết bị điện khác của trang trại.
- + Khi xảy ra sự cố ngừng hoạt động quạt hút bị sự cố, tìm nguyên nhân, khắc phục sự cố kịp thời.
- + Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

➤ *Đối với sự cố hệ thống xử lý nước thải:*

✚ *Đối với bể tự hoại:*

Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:

- Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được. Do đó, phải thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát phân và nước tiểu.
- Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải tiến hành thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.
- Bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.

✚ *Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước:*

- Đường ống cấp, thoát nước có đường cách ly an toàn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.
- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

➤ *Đối với sự cố kho chất thải rắn:*

- + Kí hợp đồng thu gom chất thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.
- + Gà chết trong quá trình chăn nuôi phải được thu gom, xử lý tại hầm hủy xác
- + Kho chứa chất thải nguy hại đảm bảo có mái che, gờ chống tràn, tường bao quanh, có dẫn biển cảnh báo chất thải nguy hại theo đúng quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.
- + CTNH được dán bảng hiệu có hình minh họa để việc tập kết chất thải được dễ dàng. Khu vực chứa CTNH được xây bờ bao, bên trên có đặt các bệ chứa để thu gom chất thải khi bị rò rỉ, bên dưới có chứa cát và được xây bao lại. Khi có sự cố tràn đổ CTNH, cát sẽ được thu gom và bàn giao cho đơn vị thu gom CTNH.

- + Đối với việc vận chuyển CTNH: chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo đúng quy định.
- + Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, xử lý toàn bộ các loại chất thu rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự toán kinh phí cho các công trình xử lý, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án được ước tính như sau:

Bảng 4.13. Ước tính kinh phí bảo vệ môi trường giai đoạn hoạt động dự án

Stt	Các hạng mục	Chi phí (VNĐ)
1	Xây dựng bể tự hoại 03 ngăn	20.000.000
2	Chi phí xây dựng hệ thống xử lý khí thải và mùi hôi	100.000.000
4	Chi phí đầu tư thùng chứa rác	10.000.000
5	Chi phí thu gom, xử lý các loại chất thải/năm	80.000.000
6	Chương trình giám sát môi trường định kỳ/năm	50.000.000
Tổng chi phí		260.000.000

- Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường

Tổ chức quản lý và vận hành các công trình bảo vệ môi trường của Dự án là nhân viên của Công ty.

- Số lượng nhân viên kỹ thuật của Dự án là 1 người.
- Bộ máy quản lý môi trường và các công trình môi trường có nhiệm vụ:
 - + Thực hiện đúng và giám sát quá trình thực hiện theo các cam kết của Chủ dự án trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này sau khi đã được UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt;
 - + Nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ môi trường cho công nhân viên của dự án, góp phần làm xanh sạch môi trường;
 - + Kiểm soát ô nhiễm và góp phần bảo vệ môi trường, sức khỏe người lao động và sức khỏe cộng đồng;
 - + Định kỳ thực hiện công tác giám sát, đề xuất đơn vị thực hiện quan trắc môi trường định kỳ, giám sát và thống kê số liệu môi trường định kỳ của dự án.

4. NHẬN XÉT VỀ MỨC ĐỘ CHI TIẾT, ĐỘ TIN CẬY CỦA CÁC KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO

Mức độ chi tiết, độ tin cậy của các đánh giá về các tác động môi trường, các rủi ro, sự cố môi trường có khả năng xảy ra khi triển khai dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 4.14. Mức độ chi tiết, độ tin cậy của các đánh giá

STT	Phương pháp sử dụng	Mục đích sử dụng phương pháp	Độ chính xác của Phương pháp đánh giá	Mức độ tin cậy
1	Phương pháp khảo sát hiện trường và phân tích phòng thí nghiệm	Xác định các thông số về hiện trạng không khí, vi khí hậu, nước mặt, nước ngầm, đất	Kết quả đo đạc/phân tích thực tế → độ chính xác cao	Cao
2	Phương pháp thống kê	Thu thập, xử lý các số liệu về điều kiện khí tượng thủy văn, kinh tế xã hội tại khu vực xây dựng dự án	Số liệu thực tế → độ chính xác cao	Cao
3	Phương pháp so sánh	Đánh giá các kết quả trên cơ sở so sánh với quy chuẩn Việt Nam	Độ chính xác cao	Cao
4	Phương pháp nhận dạng	Mô tả hệ thống môi trường, xác định các thành phần của dự án ảnh hưởng đến môi trường, nhận dạng đầy đủ các dòng chất thải, các vấn đề môi trường liên quan phục vụ công tác đánh giá chi tiết	Độ chính xác cao	Trung bình
5	Phương pháp đánh giá nhanh, tính toán theo hệ số ô nhiễm	Ước tính tải lượng ô nhiễm khí thải, nước thải, CTR,... theo nhiều nguồn tài liệu khác nhau	Tính toán theo lý thuyết có thể gần đúng với thực tế → độ chính xác tương đối	Trung bình
6	Phương pháp chuyên gia	Dựa vào hiểu biết và kinh nghiệm về khoa học của các chuyên gia ĐTM trong nhóm thực hiện	Độ chính xác cao	Cao
7	Phương pháp tổng hợp	Phân tích, tổng hợp thông tin và cơ sở dữ liệu để hoàn thành báo cáo tổng hợp	Nhìn chung các thông tin được cung cấp ở mức độ chính xác	Trung bình

**CHƯƠNG V: PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG,
PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Dự án trang trại chăn nuôi gà không thuộc nhóm các dự án khai thác khoáng sản, dự án chôn lấp chất thải, dự án gây tổn thất, suy giảm đa dạng sinh học. Vì vậy, chủ đầu tư và đơn vị tư vấn lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường sẽ không đưa ra phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

CHƯƠNG VI: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

Dự án “Trang trại chăn nuôi gà” được thực hiện tại Ấp Thành Tây, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình hoạt động không phát sinh nước thải sản xuất. Nước thải sinh hoạt phát sinh với lưu lượng khoảng 1,2 m³/ngày.đêm được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn, định kỳ thuê đơn vị hút hầm cầu đến hút và vận chuyển đến nơi xử lý đúng quy định.

- Nguồn phát sinh nước thải:
 - + Nguồn số 01: Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân viên tại dự án.
- Lưu lượng xả thải nước thải đối đa: 1,2 m³/ngày.đêm
- Dòng nước thải: Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn được thải ra hầm chứa và định kỳ sẽ thuê đơn vị đến thu gom.

2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

➤ Nguồn phát sinh khí thải chính đề nghị cấp phép

- Nguồn số 01 – chuồng số 1: Khí thải từ 4 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 1 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 178.800 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút)
- Nguồn số 02 – chuồng số 2: Khí thải từ 4 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 2 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 178.800 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút)
- Nguồn số 03 – chuồng số 3: Khí thải từ 4 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 3 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 178.800 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút)
- Nguồn số 04 – chuồng số 4: Khí thải từ 4 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 4 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 178.800 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút)
- Nguồn số 05 – chuồng số 5: Khí thải từ 4 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 5 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 178.800 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút)
- Nguồn số 06 – chuồng số 6: Khí thải từ 4 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 6 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 178.800 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút)

- Nguồn số 07 – chuồng số 7: Khí thải từ 4 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 7 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 178.800 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút)
- Nguồn số 08 – chuồng số 8: Khí thải từ 4 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 8 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 178.800 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút)
- Nguồn số 09: bụi, khí thải từ hoạt động của hệ thống máy phát điện dự phòng có công suất 150 KVA, sử dụng nhiên liệu là dầu DO. Nguồn này phát thải khi vận hành máy phát điện dự phòng để cấp điện tạm thời khi có sự cố mất điện. Lưu lượng bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động máy phát điện dự phòng là 820,13 m³/giờ.

➤ **Lưu lượng xả khí thải tối đa của các nguồn thải**

- Nguồn khí thải từ 01 đến số 08: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 44.700 m³/giờ/quạt hút
- Nguồn khí thải số 09: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 820,13 m³/giờ

➤ **Dòng khí thải**

- Dòng khí thải số 01 đến số 08: Dòng khí thải phát sinh sau các quạt hút cuối mỗi dãy chuồng nuôi
- Dòng khí thải số 09: Dòng khí thải từ máy phát điện dự phòng sẽ thoát trực tiếp ra môi trường thông qua ống khói bằng Inox SUS 304 dày 3mm, đường kính ống \varnothing 200mm, cao 10m.

➤ **Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải**

- Nguồn khí thải số 01 đến số 08 đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh – QCVN 05:2023/BTNMT.

Bảng 6.1: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của khí thải

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	H ₂ S	($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	42	02 lần/năm	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 NĐ số 08/2022/NĐ-CP
2	NH ₃	($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	200		
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	200		

- Nguồn khí thải số 09 đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, hệ số Kv = 1,0; Kp = 1,0

Bảng 6.2. Giá trị giới hạn đối với bụi và khí thải tại các nguồn thải

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	P ≤ 200.000	Không	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 NĐ số 08/2022/NĐ-CP
2	Bụi	mg/Nm ³	200		
3	SO ₂	mg/Nm ³	500		
4	NO _x	mg/Nm ³	850		
5	CO	mg/Nm ³	1.000		

➤ **Vị trí, phương thức xả khí thải vào nguồn tiếp nhận khí thải**

- Vị trí xả thải:

- + Nguồn khí thải số 01: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 01; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 545 951 ; Y= 1243 996
- + Nguồn khí thải số 02: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 02; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 545 956 ; Y= 1243 982
- + Nguồn khí thải số 03: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 03; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 545 958; Y= 1243 971
- + Nguồn khí thải số 04: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 04; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 545 962; Y= 1243 960
- + Nguồn khí thải số 05: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 05; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 545 964; Y= 1243 947
- + Nguồn khí thải số 06: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 06; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 545 966; Y= 1243 934
- + Nguồn khí thải số 07: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 07; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 545 969 ; Y= 1243 920
- + Nguồn khí thải số 08: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 08; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 545 972 ; Y= 1243 906
- + Nguồn khí thải số 09: tương ứng với dòng khí thải từ máy phát điện dự phòng của Dự án thoát ra bằng ống khói xả khí thải của máy phát điện dự phòng; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 545 901; Y = 1243 994

+ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30' múi chiếu 3⁰)

- Phương thức xả thải:

- + Nguồn khí thải từ số 01 đến số 08: khí thải, bụi xả cưỡng bức thông qua hệ thống quạt hút (mỗi chuồng có 4 quạt hút) xả liên tục khi hoạt động.
- + Nguồn khí thải 09: xả ra môi trường qua ống khói, xả liên tục khi có sự cố mất điện phải vận hành máy phát điện dự phòng.
- Công trình xử lý khí thải trong và ngoài phạm vi dự án: không có.

3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

➤ Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính đề nghị cấp phép

- Nguồn số 01: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng nuôi số 01
- Nguồn số 02: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng nuôi số 02
- Nguồn số 03: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng nuôi số 03
- Nguồn số 04: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng nuôi số 04
- Nguồn số 05: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng nuôi số 05
- Nguồn số 06: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng nuôi số 06
- Nguồn số 07: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng nuôi số 07
- Nguồn số 08: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng nuôi số 08
- Nguồn số 09: phát sinh từ quá trình hoạt động của máy phát điện dự phòng

➤ Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: X= 545 951 ; Y= 1243 996
- Nguồn số 02: X= 545 956 ; Y= 1243 982
- Nguồn số 03: X= 545 958; Y= 1243 971
- Nguồn số 04: X= 545 962; Y= 1243 960
- Nguồn số 05: X= 545 964; Y= 1243 947
- Nguồn số 06: X= 545 966; Y= 1243 934
- Nguồn số 07: X= 545 969 ; Y= 1243 920
- Nguồn số 08: X= 545 972 ; Y= 1243 906
- Nguồn số 09: X = 545 901; Y = 1243 994

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$ múi chiều 3°)

➤ Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Các nguồn thải trên nếu được khống chế tốt và xử lý cục bộ bằng các biện pháp quản lý kỹ thuật hợp lý thì tiếng ồn và độ rung sẽ đạt giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn & QCVN 27:2010/ BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

Bảng 6.3. Giá trị giới hạn đối với độ ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

Bảng 6.4. Giá trị giới hạn đối với độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG, VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI

4.1. Khối lượng chất thải phát sinh

❖ Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Bảng 6.5. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Stt	Nguồn phát sinh	Định mức (kg/người.ngày)	Khối lượng (kg/ngày)	Khối lượng (kg/tháng)
1	Hoạt động sinh hoạt hằng ngày của 10 công nhân viên làm việc tại trang trại chăn nuôi	0,5	5	150

❖ Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Bảng 6.6. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng chất thải phát sinh
1	Phân gà trộn vỏ trấu lót chuồng	14 01 12	183,25 tấn/lứa
2	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm (gà chết không do dịch bệnh)	13 02 04	81 kg/lứa
3	Bao bì đựng thức ăn	14 01 05	0,11 tấn/lứa

❖ Khối lượng chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh

Bảng 6.7. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

STT	Tên chất thải	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	5	16 01 06
2	Ắc quy chì thải	4	19 06 01
3	Mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất như mực in văn phòng, sách báo) thải	5,5	08 02 06
4	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	8	13 02 01
5	Gia cầm chết (do dịch bệnh)	Không xác định	14 02 01
6	Giẻ lau, vải bị nhiễm các thành phần nguy hại	12	18 02 01
Tổng số lượng		34,5	

4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

a) Thiết bị lưu chứa

Trang bị thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với các thiết bị lưu chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

b) Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 20 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: kho được xây tường gạch bao quanh, mái che bằng tôn, nền bê tông, có khay hứng chất thải lỏng rơi vãi, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xéng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

c) Biện pháp xử lý:

- Chủ Dự án ký hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, xử lý theo quy định.

- Đối với gà chết do dịch bệnh: Bố trí đất dự phòng chôn lấp trong trường hợp tiêu hủy hàng loạt do dịch bệnh lây lan theo đúng QCVN 01-41: 2011/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

a) Thiết bị lưu chứa:

Thùng 120 lít, bao bì

b) Khu vực tập kết

Đối với phân gia cầm lẫn trấu từ đệm lót sinh học sau mỗi đợt xuất trại sẽ được thu gom đem đi ủ phân sinh bón cho cây trồng.

Các loại bao bì đựng thức ăn chăn nuôi được thu gom lại và bán cho đơn vị có nhu cầu hoặc có thể sử dụng bao bì để chứa phân.

Đối với chai lọ không nhiễm thành phần nguy hại được thu gom, phân loại bán cho đơn vị thu mua phế liệu.

Đối với gà chết: gà chết do giã mổ (không phải do bệnh tật) sẽ được công nhân tại trại chăn nuôi thu gom và xử lý tại hầm xử lý xác gà chết có nắp đậy kín, rải vôi bột lên trên cùng đóng xác nhằm tiêu độc khử trùng.

4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy.

- Khu vực lưu chứa: Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh.

CHƯƠNG VII: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, chủ dự án đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Căn cứ Khoản 1, Điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, thì: “*buồng thu gom khí thải, mùi hôi sau các quạt hút, bể tự hoại, bể tách mỡ nước thải không phải vận hành thử nghiệm*”.

Như vậy, Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo Khoản 1, Điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

1. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chủ dự án sẽ thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ khi dự án đi vào hoạt động chăn nuôi như sau:

Bảng 7.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Stt	Vị trí lấy mẫu	Thông số quan trắc	Tần suất	Tiêu chuẩn so sánh
1	Giám sát chất lượng khí thải			
	02 điểm phía sau các chuồng nuôi	Bụi, H ₂ S, NH ₃	06 tháng/lần	QCVN 05:2023/BTNMT
2	Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại			
	Kiểm kê kho chứa chất thải tập trung của dự án: khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại	Khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận từng loại chất thải.	Thường xuyên, liên tục	Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022
Trong quá trình thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ, Chủ đầu tư sẽ phối hợp với đơn vị có chức năng quan trắc môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp chứng nhận đủ điều kiện hành nghề quan trắc.				

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Dự án “Trang trại chăn nuôi gà” không thuộc nhóm các dự án phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục chất thải.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án:

Không có hoạt động quan trắc nào khác.

3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM

Bảng 7.2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm của dự án

STT	Thông số	Vị trí	Tần suất năm/lần	Kinh phí thực hiện (VNĐ)	Tổ chức, quản lý và vận hành
I	Thành phần môi trường khí thải				
1	H ₂ S, NH ₃ , Bụi	02	02	10.000.000	Chủ đầu tư

CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Công ty TNHH MTV Ong Mật Bảo An Tây Ninh cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Công ty TNHH MTV Ong Mật Bảo An Tây Ninh cam kết các nguồn gây ô nhiễm từ dự án được phát hiện kịp thời, giám sát thường xuyên không để các nguồn này ảnh hưởng đến con người và môi trường xung quanh.

Công ty TNHH MTV Ong Mật Bảo An Tây Ninh cam kết hoạt động của dự án tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường như sau:

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 26: 2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27: 2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại được thu gom, lưu giữ và xử lý triệt để đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Thực hiện chương trình giám giát môi trường định kỳ hàng năm đúng với chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong nội dung báo cáo.

Trong quá trình hoạt động có yếu tố môi trường nào phát sinh chúng tôi sẽ trình báo ngay với các cơ quan quản lý môi trường địa phương và các cơ quan có chuyên môn để xử lý ngay nguồn ô nhiễm này.

PHỤ LỤC BÁO CÁO